

SỞ GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN HÀ NỘI CẤP ĐĂNG KÝ NIÊM YẾT CHỨNG KHOÁN CHỈ CÓ NGHĨA LÀ VIỆC NIÊM YẾT CHỨNG KHOÁN ĐÃ THỰC HIỆN THEO ĐÚNG CÁC QUY ĐỊNH CỦA PHÁP LUẬT LIÊN QUAN MÀ KHÔNG HÀM Ý ĐẢM BẢO GIÁ TRỊ CHỨNG KHOÁN. MỌI TUYÊN BỐ TRÁI VỚI ĐIỀU NÀY LÀ BẤT HỢP PHÁP.

BẢN CÁO BẠCH



VNECO 8

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG ĐIỆN VNECO 8

(Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 40.03.000 031 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Đắk Lắk cấp ngày 19/11/2003, đăng ký thay đổi lần 3 ngày 12/3/2008)

NIÊM YẾT CỔ PHIẾU TRÊN SỞ GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN HÀ NỘI

Giấy chứng nhận đăng ký niêm yết số của Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội cấp ngày tháng năm

BẢN CÁO BẠCH NÀY VÀ TÀI LIỆU BỔ SUNG SẼ ĐƯỢC CUNG CẤP TẠI:

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG ĐIỆN VNECO 8

Địa chỉ: Số 10 Đào Duy Từ, Thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk
Điện thoại: (0500) 3859776 Fax: (0500) 3858921

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN SÀI GÒN - SSI

Trụ sở chính

Số 72 Nguyễn Huệ, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh
Điện thoại: (08) 3824 2897 Fax: (08) 3824 2997

Chi nhánh Công ty Cổ phần Chứng khoán Sài Gòn tại Hà Nội

Địa chỉ: 1C Ngô Quyền, Quận Hoàn Kiếm, Thành phố Hà Nội
Điện thoại: (84.4) 3936 6321 Fax: (84.4) 3936 6311

PHỤ TRÁCH CÔNG BỐ THÔNG TIN:

Họ tên: Nguyễn Tráng Sỹ Chức vụ: Phó phòng phụ trách Kế toán
Số điện thoại: 0500 3859776 Fax: 0500 3858921

Tháng 6/2012

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG ĐIỆN VNECO 8

(Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 40.03.000 031 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Đắk Lắk cấp ngày 19/11/2003, đăng ký thay đổi lần 3 ngày 12/03/2008)

NIÊM YẾT CỔ PHIẾU TRÊN SỞ GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN HÀ NỘI

Tên cổ phần	: Cổ phần Công ty Cổ phần Xây dựng Điện VNECO 8
Loại cổ phiếu	: Cổ phiếu phổ thông
Mệnh giá	: 10.000 đồng/cổ phiếu
Tổng số lượng niêm yết	: 1.800.000 cổ phiếu (Một triệu tám trăm nghìn cổ phiếu)
Tổng giá trị niêm yết	: 18.000.000.000 đồng (Mười tám tỷ đồng)

TỔ CHỨC TƯ VẤN

❖ Công ty Cổ phần Chứng khoán Sài Gòn (SSI)

Trụ sở chính

Địa chỉ: Số 72 Nguyễn Huệ, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh

Điện thoại: (84-8) 3824 2897

Fax: (84-8) 3824 2997

Email: ssi@ssi.com.vn

Website: www.ssi.com.vn

❖ Chi nhánh tại Hà Nội

Địa chỉ: 1C Ngô Quyền, Quận Hoàn Kiếm, Thành phố Hà Nội

Điện thoại: (84-4) 3936 6321

Fax: (84.4) 3936 6311

Email: ssi_hn@ssi.com.vn

TỔ CHỨC KIỂM TOÁN

❖ Công ty TNHH Kiểm Toán và Dịch Vụ Tin Học TPHCM – Chi nhánh Hà Nội

Địa chỉ: 142 Nguyễn Thị Minh Khai – Quận 3 - TPHCM

Điện thoại: (84.8) 3930 5163

Fax: (84.8) 3930 4281

Email: info@aisc.com.vn

MỤC LỤC

I. CÁC NHÂN TỐ RỦI RO.....	5
1. Rủi ro về kinh tế.....	5
2. Rủi ro về luật pháp.....	6
3. Rủi ro đặc thù ngành.....	6
4. Rủi ro khác.....	7
II. NHỮNG NGƯỜI CHỊU TRÁCH NHIỆM CHÍNH ĐỐI VỚI NỘI DUNG BẢN CÁO BẠCH.....	8
1. Tổ chức đăng ký niêm yết: Công ty Cổ phần Xây dựng điện Vneco8.....	8
2. Tổ chức tư vấn: Công ty Cổ phần Chứng khoán Sài Gòn (SSI).....	8
III. CÁC KHÁI NIỆM.....	9
IV. TÌNH HÌNH VÀ ĐẶC ĐIỂM CỦA TỔ CHỨC NIÊM YẾT.....	10
1. Tóm tắt quá trình hình thành và phát triển.....	10
2. Cơ cấu tổ chức của Công ty.....	14
3. Cơ cấu bộ máy quản lý của Công ty.....	15
4. Danh sách cổ đông nắm giữ trên 5% vốn cổ phần của Công ty, Danh sách cổ đông sáng lập và tỷ lệ cổ phần nắm giữ, Cơ cấu cổ đông.....	16
5. Danh sách công ty mẹ, công ty con của Công ty Cổ phần Xây dựng Điện Vneco 8, những công ty mà Vneco 8 đang nắm giữ quyền kiểm soát hoặc cổ phần chi phối, những công ty nắm quyền kiểm soát hoặc cổ phần chi phối đối với Vneco 8.....	17
6. Hoạt động kinh doanh.....	17
6.1. Sản lượng, sản phẩm/ giá trị dịch vụ qua các năm.....	17
6.1.1. Hoạt động xây lắp điện.....	17
6.1.2. Hoạt động sản xuất công nghiệp.....	20
6.1.3. Sản lượng sản phẩm và cơ cấu doanh thu lợi nhuận.....	20
7. Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.....	29
8. Vị thế của Công ty so với các doanh nghiệp khác trong cùng ngành.....	31
9. Chính sách đối với người lao động.....	33
10. Chính sách cổ tức.....	35
11. Tình hình hoạt động tài chính.....	35
12. Hội đồng Quản trị, Ban Giám đốc, Ban kiểm soát, Kế toán trưởng.....	40
13. Tài sản.....	47
14. Kế hoạch sản xuất kinh doanh, lợi nhuận và cổ tức trong năm tiếp theo.....	48
14.1. Chiến lược chung của Công ty.....	48
14.2. Phương hướng thực hiện.....	48
14.3. Kế hoạch lợi nhuận và cổ tức trong thời kỳ 2012-2014.....	49
15. Đánh giá của Tổ chức tư vấn về kế hoạch lợi nhuận và cổ tức.....	52
16. Thông tin về những cam kết chưa thực hiện của Công ty.....	53
17. Thông tin về những tranh chấp, kiện tụng liên quan đến Công ty có thể gây ảnh hưởng đến giá cổ phiếu phát hành.....	53
V. CHỨNG KHOÁN NIÊM YẾT.....	54
1. Loại chứng khoán niêm yết: Cổ phiếu phổ thông.....	54
2. Mệnh giá: 10.000 đồng.....	54
3. Tổng số chứng khoán niêm yết: 1.800.000 (Một triệu tám trăm nghìn) cổ phiếu.....	54
4. Số lượng cổ phiếu hạn chế chuyển nhượng:.....	54
5. Phương pháp tính giá.....	55



6. Giới hạn về tỷ lệ nắm giữ của cổ đông nước ngoài	56
7. Các loại thuế liên quan	56
VI. CÁC ĐỐI TÁC LIÊN QUAN	57
1. Tổ chức tư vấn phát hành.....	57
2. Tổ chức kiểm toán	57
VII. PHỤ LỤC	58

I. CÁC NHÂN TỐ RỦI RO

1. Rủi ro về kinh tế

Môi trường kinh tế với những yếu tố cơ bản của nền kinh tế như tốc độ tăng trưởng, lạm phát, lãi suất ... sẽ có những ảnh hưởng trực tiếp đến hiệu quả sản xuất kinh doanh của tất cả các doanh nghiệp trong mọi ngành nghề. Là một Công ty hoạt động trong ngành xây lắp điện, Công ty Cổ phần xây dựng điện Vneco 8, cũng chịu sự tác động đáng kể trước những biến động chung của nền kinh tế.

1.1. Rủi ro từ tốc độ tăng trưởng kinh tế

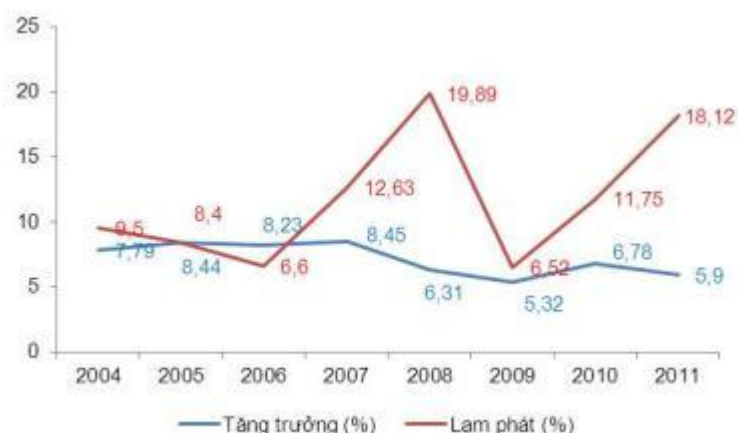
Tốc độ tăng trưởng kinh tế của Việt Nam trung bình giai đoạn 2002-2009 xấp xỉ 8%/năm. Trong năm 2009, tỷ lệ tăng trưởng GDP của Việt Nam chỉ đạt 5,32%, Sang năm 2010, tổng sản phẩm trong nước (GDP) ước tính tăng 6,78% so với năm 2009. Năm 2011 tăng trưởng kinh tế đạt 5,89%. Theo nhận định của nhiều chuyên gia, năm 2012 kinh tế Việt Nam vẫn còn gặp rất nhiều khó khăn, nổi trội vẫn là vấn đề lạm phát vẫn ở mức cao, dự báo lạm phát năm 2012 khoảng 13,8% (Nguồn: <http://ndhmoney.vn>). Thứ hai là vấn đề lãi suất cho vay cao khiến việc vực dậy nền kinh tế nội tại cũng như sản xuất kinh doanh trong nước càng khó khăn hơn. Theo đánh giá mới nhất của IMF, tốc độ tăng trưởng GDP của Việt Nam trong năm 2012 chỉ đạt ở mức 5,6% (Nguồn: <http://vneconomy.vn>).

Tốc độ tăng trưởng và chu kỳ của nền kinh tế ảnh hưởng lớn đến hoạt động sản xuất kinh doanh của các doanh nghiệp. Khi nền kinh tế tăng trưởng chậm, lạm phát và lãi suất tăng cao và rơi vào suy thoái, nhu cầu xây dựng cơ bản, xây dựng cơ sở hạ tầng giảm sẽ ảnh hưởng đến sự phát triển của ngành xây lắp điện, ảnh hưởng đến hoạt động kinh doanh của Công ty.

1.2. Lạm phát

Tốc độ tăng trưởng kinh tế cao, thường đi kèm với nguy cơ lạm phát mà theo đó, chi phí đầu vào của doanh nghiệp sẽ bị ảnh hưởng mạnh mẽ. Việt Nam đang đối mặt với tình trạng lạm phát tương đối cao trong những năm trở lại đây. Chỉ số giá tiêu dùng năm 2008 đã tăng lên mức kỷ lục là 22,97%. Tiếp đó, năm 2009 chỉ số giá tiêu dùng bình quân quay về mức thấp nhất trong 6 năm trở lại đây chỉ tăng 6,88% so với bình quân năm 2008. Tuy nhiên, so với tháng 12 năm 2009, chỉ số giá tiêu dùng năm 2010 tăng ở mức 11,75% và năm 2011 là 18,12%¹.

Đồ thị 1: Diễn biến lạm phát và tăng trưởng kinh tế Việt Nam từ năm 2004 tới năm 2011



Chỉ số giá tiêu dùng (CPI) chỉ tăng 0,18% trong tháng 5/2012 và tăng tổng cộng 2,78% trong 5 tháng đầu năm. Sự biến động của lạm phát trong thời gian qua đã ảnh hưởng trực tiếp tới giá cả đầu vào trong mảng sản xuất công nghiệp của Công ty.

1.3. Rủi ro từ biến động lãi suất

Sự biến động của lãi suất trong thời gian vừa qua đã ảnh hưởng lớn đến kết quả kinh doanh của các doanh nghiệp sản xuất kinh doanh, đặc biệt đối với những doanh nghiệp dùng đòn bẩy tài chính lớn. Lãi suất tăng, chi phí tài chính tăng cao, doanh nghiệp khó tiếp cận nguồn vốn. Mặc dù hiện nay, theo thông báo mới nhất ngày 28/5/2012, của ngân hàng nhà nước, lãi suất tiền gửi tối đa bằng VND không kỳ hạn và kỳ hạn dưới 1 tháng từ 4%/năm xuống 3%/năm và với kỳ hạn trên 1 tháng từ 12%/năm xuống 11%/năm. Lãi suất cho vay với những lĩnh vực khuyến khích như nông nghiệp nông thôn, xuất khẩu, công nghiệp hỗ trợ, doanh nghiệp vừa và nhỏ xuống 14%/năm. Tuy nhiên, do lãi suất huy động trong giai đoạn trước cao nên lãi suất thực cho vay của các ngân hàng vẫn ở mức cao, việc tiếp cận vốn vay của các doanh nghiệp còn rất khó khăn.

2. Rủi ro về luật pháp

Là một Công ty hoạt động trong ngành xây lắp điện và hoạt động theo hình thức Công ty cổ phần, Công ty chịu sự chi phối của Hệ thống pháp luật Việt nam, cụ thể:

- Chính sách ưu đãi đầu tư;
- Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng khoán, Luật Thuế và các Nghị định, Thông tư hướng dẫn thi hành trong giai đoạn xây dựng và hoàn thiện;
- Luật Xây dựng và các Thông tư, Nghị định hướng dẫn thi hành Luật Xây dựng.
- Luật Lao động, Luật Dân sự, Luật Đất đai và các hướng dẫn thi hành luật.

Việt Nam đã chính thức trở thành thành viên của Tổ chức thương mại thế giới (kể từ tháng 11/2007) hiện đang tiến hành từng bước những cải tổ về hành lang pháp lý phù hợp với thông lệ quốc tế. Quá trình chỉnh sửa, hướng dẫn các văn bản Luật kéo dài và có nhiều văn bản chồng chéo gây khó khăn trong hoạt động của doanh nghiệp. Ngoài ra, việc thực thi pháp luật chưa đạt hiệu quả cao nên khả năng chính sách của Nhà nước thay đổi sẽ ảnh hưởng tới hoạt động kinh doanh của Công ty cổ phần Xây dựng điện Vneco 8.

3. Rủi ro đặc thù ngành

3.1. Rủi ro thanh toán

Trong hoạt động xây dựng, thời gian thi công của các công trình thường kéo dài, việc nghiệm thu, bàn giao được thực hiện từng phần trong khi việc giải ngân vốn thường chậm, quá trình hoàn tất hồ sơ thi công cũng như thống nhất phê duyệt quyết toán giữa chủ đầu tư và nhà thầu thường mất rất nhiều thời gian. Vì vậy, trong quá trình hoạt động Công ty cần nhiều vốn lưu động để duy trì hoạt động và thanh toán các khoản nợ đến hạn. Do đó nếu không có kế hoạch tài chính phù hợp thì Công ty sẽ đối mặt với tình trạng mất khả năng thanh toán.

3.2. Rủi ro về nguồn nhân lực

Hoạt động kinh doanh chủ yếu của Công ty là xây lắp đường dây và trạm, công việc có tính chất lưu động cao, khó khăn, vất vả, nguy hiểm. Vì thế lực lượng lao động có kỹ thuật xây lắp đường dây và trạm là một nhân tố quan trọng nhất của Công ty. Tuy nhiên, lực lượng lao động có kinh nghiệm và đã qua đào tạo của Công ty luôn có nguy cơ bị thất thoát do phía các doanh nghiệp trong ngành và một số ngành nghề khác. Do đó bên cạnh những chế độ, chính sách đãi ngộ lao động hợp lý, Công ty cần có định hướng phát triển, đào tạo nguồn nhân lực để đảm bảo sự ổn định và phát triển trong tương lai.

3.3. Rủi ro về biến động giá nguyên vật liệu

Sắt thép, kẽm và nhiên liệu chiếm phần lớn trong cơ cấu chi phí sản xuất cột thép và xây lắp các công trình điện. Do vậy, sự biến động về giá cả của các chủng loại sắt thép, giá cả của một số mặt hàng chủ yếu cũng như giá cả xăng, dầu có ảnh hưởng tới doanh thu và lợi nhuận của doanh nghiệp. Ngoài ra, sự bất ổn định trong nguồn cung nguyên vật liệu đầu vào sẽ có ảnh hưởng không nhỏ đến tiến độ thi công của các công trình xây dựng điện của Công ty.

3.4. Rủi ro về thị trường

Việt Nam gia nhập tổ chức thương mại Quốc tế WTO sẽ tạo ra cơ hội và thách thức đòi hỏi thị trường xây lắp điện phải gia tăng năng lực cạnh tranh, phát triển phù hợp tiêu chuẩn và thông lệ Quốc tế. Việc mở cửa thị trường sẽ tạo ra áp lực cạnh tranh rất cao đối với những doanh nghiệp xây lắp điện hiện đang hoạt động. Các doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài với tiềm lực tài chính mạnh mẽ và phong cách quản lý hiện đại sẽ là những đối thủ cạnh tranh thực sự đối với các doanh nghiệp trong nước. Để hạn chế rủi ro này, Công ty thường xuyên nâng cao sức cạnh tranh của mình bằng việc đầu tư thiết bị và công nghệ tiên tiến, nâng cao tính chuyên nghiệp trong hoạt động thi công xây lắp, giữ uy tín với khách hàng bằng chất lượng các công trình do mình triển khai thi công

4. Rủi ro khác

Một số rủi ro mang tính bất khả kháng, ít có khả năng xảy ra, nhưng nếu xảy ra thì sẽ tác động đến tình hình kinh doanh của Công ty, đó là hiện tượng thiên tai (hạn hán, bão lụt, động đất ...), chiến tranh hay dịch bệnh hiểm nghèo xảy ra trên quy mô lớn.

II. NHỮNG NGƯỜI CHỊU TRÁCH NHIỆM CHÍNH ĐỐI VỚI NỘI DUNG BẢN CÁO BẠCH

1. Tổ chức đăng ký niêm yết: Công ty Cổ phần Xây dựng điện Vneco8

Ông Ngô Văn Cường	Chức vụ: Chủ tịch Hội đồng quản trị
Ông Nguyễn Công Diệu	Chức vụ: Giám đốc
Ông Nguyễn Tráng Sỹ	Chức vụ: Phó phòng phụ trách Kế toán
Ông Nguyễn Hữu Đăng	Chức vụ: Trưởng ban Kiểm soát

Chúng tôi đảm bảo rằng các thông tin và số liệu trong Bản cáo bạch này là phù hợp với thực tế mà chúng tôi được biết, hoặc đã điều tra, thu thập một cách hợp lý.

2. Tổ chức tư vấn: Công ty Cổ phần Chứng khoán Sài Gòn (SSI)

Bà Nguyễn Thị Thanh Hà	Chức vụ: Giám đốc Tài chính
------------------------	-----------------------------

Giấy ủy quyền của Chủ tịch Hội đồng quản trị kiêm Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Chứng khoán Sài Gòn số 07/206//UQ-SSI ngày 22 tháng 02 năm 2006.

Bản cáo bạch này là một phần của hồ sơ đăng ký niêm yết do Chi nhánh Công ty Cổ phần Chứng khoán Sài Gòn tại Hà Nội tham gia lập trên cơ sở hợp đồng tư vấn với Công ty Cổ phần Xây dựng Điện Vneco 8. Chúng tôi đảm bảo rằng việc phân tích, đánh giá và lựa chọn ngôn từ trên Bản cáo bạch này đã được thực hiện một cách hợp lý và cẩn trọng dựa trên cơ sở các thông tin và số liệu do Công ty Cổ phần Xây dựng Điện Vneco 8 cung cấp.

III. CÁC KHÁI NIỆM

UBCKNN	: Ủy ban Chứng khoán Nhà Nước
Tổ chức niêm yết	: Công ty Cổ phần Xây dựng điện Vneco 8
VNECO 8	: Công ty Cổ phần Xây dựng điện Vneco 8
VNECO/Tổng Công ty	: Tổng Công ty cổ phần Xây dựng điện Việt Nam
SSI	: Công ty Cổ phần Chứng khoán Sài Gòn
HĐQT	: Hội đồng Quản trị
BKS	: Ban kiểm soát
Tổ chức tư vấn	: Chi nhánh Công ty Cổ phần Chứng khoán Sài Gòn tại Hà Nội
Điều lệ Công ty	: Điều lệ Công ty cổ phần xây dựng điện VNECO 8
CBCNV	: Cán bộ công nhân viên

IV. TÌNH HÌNH VÀ ĐẶC ĐIỂM CỦA TỔ CHỨC NIÊM YẾT

1. Tóm tắt quá trình hình thành và phát triển

1.1. Giới thiệu chung

Tên Công ty: CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG ĐIỆN VNECO 8
Tên giao dịch: VNECO 8 ELECTRICITY CONSTRUCTION JOINT STOCK CORPORATION
Tên viết tắt: VNECO 8
Địa chỉ: Số 10 Đào Duy Từ, TP Buôn Ma Thuột, Tỉnh Đaklak
Điện thoại: (0500) 3859776 Fax: (0500) 3858921
Website: <http://vneco8.com.vn/> Email: vneco8@vnn.vn
Mã số thuế: 6000442866
Vốn điều lệ thực góp 18.000.000.000 đồng
Logo:



Lĩnh vực hoạt động: Theo giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 40.03.000.031 đăng ký lần đầu ngày 19/11/2003, thay đổi lần thứ 3 ngày 12/03/2008 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Đăk Lăk cấp.

- Xây lắp các công trình, nguồn điện, hệ thống lưới điện và trạm biến áp điện đến 500KV, công trình dân dụng, công nghiệp, giao thông, thủy lợi, viễn thông, văn hóa, thể thao. Đầu tư xây dựng thủy điện vừa và nhỏ;
- Sản xuất cột điện bê tông ly tâm các loại, các sản phẩm bê tông đúc sẵn;
- Gia công, chế tạo các sản phẩm cơ khí;
- Khai thác, kinh doanh đá xây dựng, cát, sỏi và các chủng loại vật liệu xây dựng;
- Kinh doanh vật tư, thiết bị điện, thiết bị phương tiện vận tải, xe máy thi công;
- Kinh doanh vận tải hàng hóa;
- Kinh doanh phát triển nhà và hạ tầng kỹ thuật đô thị, khu công nghiệp, khu kinh tế mới;
- Hoạt động sản xuất, mua bán điện;
- Đầu tư kinh doanh bất động sản (nhà, đất);
- Đào tạo công nhân kỹ thuật, cán bộ quản lý phục vụ cho nhu cầu phát triển của doanh nghiệp;
- Đại lý ô tô, phụ tùng ô tô các loại.

1.2. Quá trình hình thành và phát triển

Công ty Cổ phần Xây dựng Điện VNECO 8 tiền thân là Xí nghiệp Xây lắp Điện Tây Nguyên trực thuộc Công ty Xây lắp Điện 3 được thành lập theo Quyết định số 16/QĐ-HĐQT ngày 18/05/1999 của Hội đồng quản trị Tổng Công ty Xây dựng Công nghiệp Việt Nam.

Ngày 07/08/2003, Bộ trưởng Bộ Công nghiệp đã ký Quyết định số 132/2003/QĐ-BCN về việc chuyển Xí nghiệp Xây lắp Điện Tây Nguyên thuộc Công ty Xây lắp Điện 3 thành Công ty Cổ phần Xây lắp Điện 3.8.

Ngày 15/10/2003, Đại hội đồng cổ đông lần đầu Công ty Cổ phần Xây lắp Điện 3.8 được tổ chức trên cơ sở tổ chức lại Xí nghiệp Xây lắp Điện Tây Nguyên là công ty con trong hệ thống các công ty con của Công ty Xây lắp Điện 3, hoạt động thí điểm theo mô hình Công ty Mẹ - Công ty Con.

Khi Công ty Xây lắp Điện 3 – Công ty Mẹ nhà nước cổ phần hoá, tại Đại hội đồng cổ đông họp thường niên năm 2006 ngày 19/01/2006, Công ty được đổi tên là Công ty Cổ phần Xây dựng Điện VNECO 8.

1.3. Các thành tích

Năm 2002, Ban chấp hành Công đoàn Công nghiệp Việt Nam tặng bằng khen vì đã có nhiều đóng góp trong quá trình thi công đường dây 500KV mạch 2.

Năm 2005, Công ty nhận bằng khen của Bộ trưởng Bộ Công nghiệp về thành tích trong phong trào thi đua lao động sản xuất Kế hoạch sản xuất, kinh doanh và các nhiệm vụ công tác khác trong năm 2005.

Năm 2007, Công ty nhận Bằng khen của Cục thuế Nhà nước Tỉnh Đắk Lắk do có thành tích xuất sắc trong việc thực hiện nghĩa vụ nộp thuế vào Ngân sách Nhà nước năm 2006.

Năm 2009, Công ty nhận Bằng khen của Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố Buôn Ma Thuột đã có thành tích xuất sắc trong việc thực hiện các chính sách thuế năm 2009

Và nhiều bằng khen, giấy khen khác do Tổng Công ty trao tặng

1.4. Quá trình tăng vốn

Bảng 1: Quá trình tăng vốn

Thời gian	Vốn điều lệ trước phát hành	Vốn điều lệ tăng thêm	Vốn điều lệ đăng ký	Vốn điều lệ thực góp	Phương thức phát hành
Năm 2003	5.000.000.000	-	5.000.000.000	5.000.000.000	Cổ phần hóa doanh nghiệp Nhà nước
Năm 2006	5.000.000.000	579.000.000	5.579.000.000	5.579.000.000	Phát hành cổ phiếu thưởng cho CBCNV từ nguồn Quỹ Đầu tư phát triển
Năm 2007	5.579.000.000	5.728.960.000	20.000.000.000	11.307.960.000	Phát hành cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu và CBCNV
Năm 2010	11.307.960.000	692.040.000	20.000.000.000	12.000.000.000	Trả cổ tức năm 2009 bằng cổ phiếu
Năm 2011	12.000.000.000	6.000.000.000	20.000.000.000	18.000.000.000	Phát hành cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu

Đợt 1: Cổ phần hóa doanh nghiệp Nhà nước

- Căn cứ:
 - ✓ Biên bản xác định giá trị doanh nghiệp của Xí nghiệp Xây lắp Điện Tây Nguyên thuộc Công ty Xây lắp Điện 3, ngày 18/07/2003.
 - ✓ Quyết định số 1820/QĐ-TCKT ngày 30/07/2003 của Bộ Trưởng Bộ Công nghiệp về việc xác định giá trị Xí nghiệp Xây lắp Điện Tây Nguyên thuộc Công ty Xây lắp Điện 3 để cổ phần hóa.
 - ✓ Quyết định số 132/2003/QĐ-BCN ngày 07/08/2003 của Bộ trưởng Bộ Công nghiệp về việc chuyển Xí nghiệp Xây lắp Điện Tây Nguyên thuộc Công ty Xây lắp Điện 3 thành Công ty Cổ phần Xây lắp Điện 3.8.
 - ✓ Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 40.03.000.031 ngày 19/11/2003 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Đắk Lắk cấp.
- Vốn điều lệ của công ty: 5.000.000.000 đồng (Năm tỷ đồng) trong đó:
 - ✓ Tỷ lệ cổ phần của Nhà Nước: 51%
 - ✓ Tỷ lệ cổ phần bán cho người lao động trong xí nghiệp: 49%

Đợt 2: Phát hành cổ phiếu thưởng tăng vốn điều lệ từ 5.000.000.000 đồng lên 5.579.000.000 đồng

- Căn cứ:
 - ✓ Nghị quyết ĐHĐCĐ thường niên năm 2006 ngày 19/01/2006 của Công ty Cổ phần Xây lắp Điện 3.8.
 - ✓ Quyết định số 000060 QĐ/XLĐ3.8-ĐHĐCĐ ngày 19/01/2006 của Công ty Cổ phần Xây lắp Điện 3.8.
- Phương thức phát hành:
 - ✓ Loại cổ phiếu: Cổ phiếu phổ thông
 - ✓ Mệnh giá: 10.000 đồng/cổ phần
 - ✓ Tổng số lượng cổ phiếu thưởng: 57.900 cổ phiếu
 - ✓ Phương thức và đối tượng phát hành: Phát hành cổ phiếu thưởng cho người lao động đang sở hữu cổ phần của Công ty theo danh sách và tỷ lệ được Hội đồng quản trị phê duyệt.
 - ✓ Nguồn vốn phát hành cổ phiếu thưởng: Quỹ Đầu tư phát triển của Công ty trị giá 579.000.000 đồng
- Vốn điều lệ sau khi tăng vốn: 5.579.000.000 đồng

Đợt 3: Phát hành tăng vốn điều lệ từ 5.579.000.000 đồng lên 11.307.960.000 đồng

- **Căn cứ:**
 - ✓ Nghị quyết ĐHCĐ bất thường năm 2007 ngày 22/04/2007 của Công ty Cổ phần Xây dựng Điện Vneco 8;
 - ✓ Công văn nhắc nhở 22 công ty (trong đó có CTCP Vneco 8) phát hành ra công chúng khi chưa đủ điều kiện;
 - ✓ Công ty trở thành công ty đại chúng kể từ ngày 24/10/2007.
- Phương thức phát hành:
 - ✓ Số cổ phần phát hành: 1.442.100 cổ phần
 - ❖ Cổ đông hiện hữu: 1.115.800 cổ phần
 - ❖ Tổng Công ty Cổ phần xây dựng Điện Việt Nam: 97.950 cổ phần.
 - ❖ CBCNV có trình độ quản lý: 10.000 cổ phần
 - ❖ CBCNV mới vào: Số lượng: 74.000 cổ phần
 - ❖ CBCNV có thâm niên công tác: 144.350 cổ phần
 - ✓ Loại cổ phần: Cổ phần phổ thông
 - ✓ Giá phát hành: 10.000 đồng/cổ phần
 - ✓ Đối tượng phát hành và tiêu chí phân bổ
 - ❖ Cổ đông hiện hữu: Tỷ lệ phát hành 1:2
 - ❖ Tổng Công ty Cổ phần xây dựng Điện Việt Nam: 97.950 cổ phần.
 - ❖ CBCNV có trình độ quản lý với số lượng 2.000 cổ phần/người
 - ❖ CBCNV mới vào: Số lượng: 1.000 cổ phần/ người.
 - ❖ CBCNV có thâm niên công tác: 90 cổ phần/năm công tác/người.
- Tổng số lượng người đăng ký mua cổ phiếu: 156 người
- Tổng số cổ phiếu đã phát hành: 572.896 cổ phiếu
- Tổng số lượng cổ phiếu sau khi phát hành: 1.130.796 cổ phần
- Vốn điều lệ sau khi tăng vốn: 11.307.960.000 đồng

Đợt 4: Trả cổ tức bằng cổ phiếu tăng vốn điều lệ từ 11.307.960.000 đồng lên 12.000.000.000 đồng

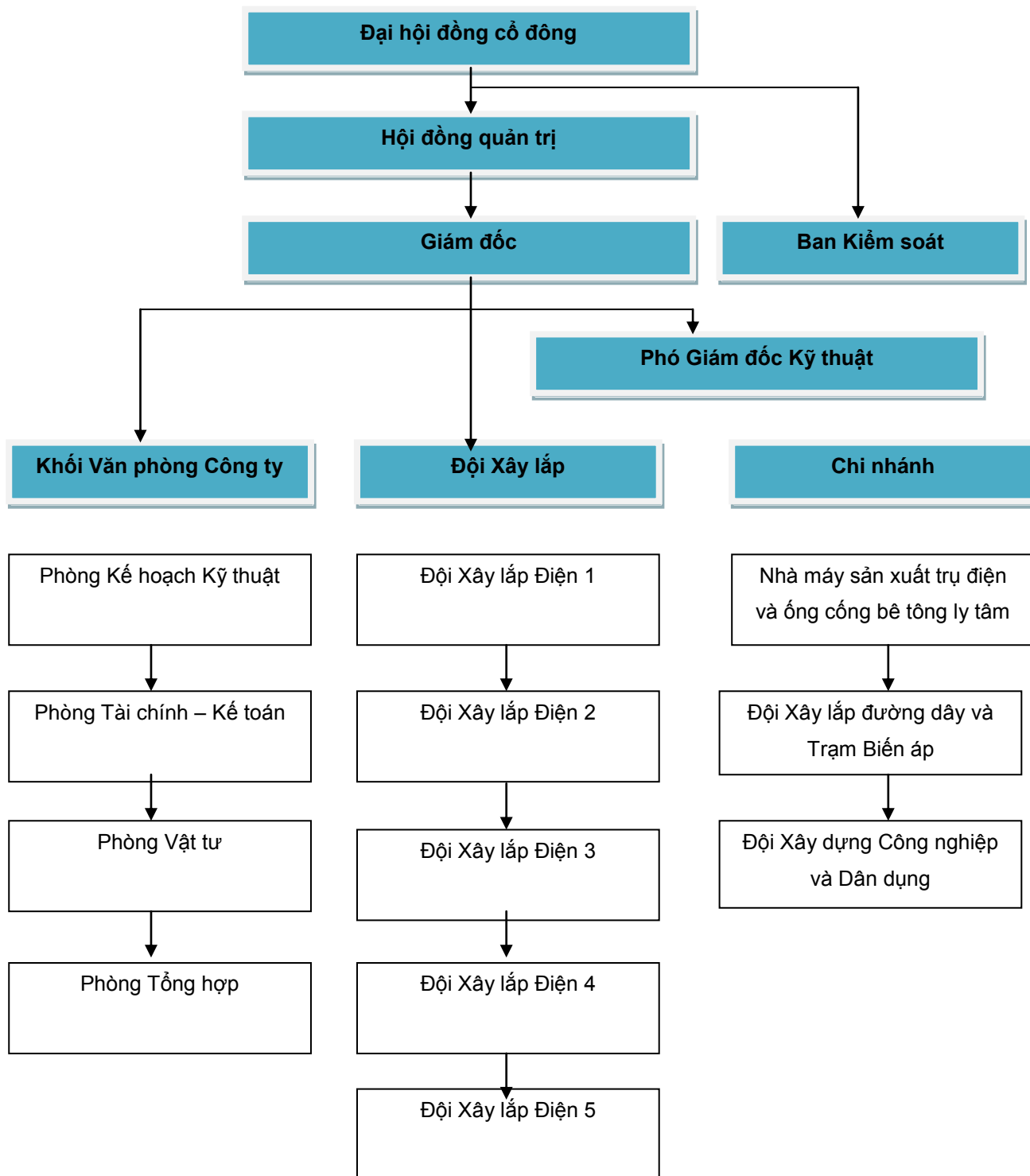
- Căn cứ:
 - ✓ Nghị quyết ĐHĐCĐ thường niên năm 2010 số 01/2010/NQ/ĐHĐCĐ ngày 27/03/2010 của Công ty Cổ phần Xây dựng Điện Vneco 8;

- ✓ Báo cáo UBCKNN về việc trả cổ tức bằng cổ phiếu số 03/CV/VNECO 8 ngày 30/8/2010;
- ✓ Công văn số 2962/UBCK-QLPH ngày 17/09/2010 của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước về việc đã nhận đủ tài liệu phát hành cổ phiếu trả cổ tức cho cổ đông hiện hữu.
- Phương thức phát hành:
 - ✓ Tổng số lượng cổ phiếu phát hành thêm: 69.204 cổ phần
 - ✓ Loại cổ phần: Cổ phần phổ thông.
 - ✓ Mệnh giá cổ phần: 10.000 đồng/cổ phần
 - ✓ Đối tượng phát hành: Cổ đông hiện hữu.
 - ✓ Hình thức phát hành: Trả cổ tức năm 2009 bằng cổ phiếu tỷ lệ 6,12%
 - ✓ Tổng số lượng cổ phiếu sau khi phát hành: 1.200.000 cổ phần (Một triệu hai trăm nghìn cổ phần)

Đợt 5: Phát hành cổ phiếu tăng vốn điều lệ từ 12.000.000.000 đồng lên 18.000.000.000 đ

- Căn cứ:
 - ✓ Nghị quyết ĐHĐCĐ thông qua phương án phát hành số 08 NQ/VNECO 8-ĐHĐCĐ ngày 18/10/2010
 - ✓ Nghị quyết HĐQT số 06/NQ/VNECO8-HĐQT ngày 08/09/2010 của Công ty Cổ phần Xây dựng Điện Vneco 8.
 - ✓ Giấy chứng nhận chào bán cổ phần số 10/GCN-UBCK ngày 20/01/2011 của Ủy ban Chứng khoán Nhà Nước.
 - ✓ Báo cáo kết quả phát hành cổ phiếu ra công chúng số 12/BC-VNECO 8-HĐQT ngày 04/05/2011.
 - ✓ Nghị quyết ĐHĐCĐ thường niên năm 2012 thông qua số vốn điều lệ hiện tại của Công ty là 18.000.000.000 đồng.
- Phương thức phát hành
 - ✓ Tổng số lượng cổ phiếu trước khi phát hành: 1.200.000 cổ phần
 - ✓ Tổng số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành : 1.200.000 cổ phần
 - ✓ Tổng số lượng cổ phiếu đã phát hành: 600.000 cổ phần
 - ✓ Loại cổ phần: Cổ phần phổ thông.
 - ✓ Giá phát hành cổ phần: 10.000 đồng/cổ phần
 - ✓ Đối tượng phát hành: Cổ đông hiện hữu theo tỷ lệ 1:1
 - ✓ Hình thức phát hành: Phát hành ra công chúng.
- Tổng số lượng cổ phiếu sau khi phát hành: 1.800.000 cổ phần (Một triệu tám trăm nghìn cổ phần)

2. Cơ cấu tổ chức của Công ty



Nguồn: Công ty cổ phần Xây dựng điện Vneco 8

3. Cơ cấu bộ máy quản lý của Công ty

Đại hội đồng cổ đông (ĐHĐCĐ) là cơ quan quyền lực có thẩm quyền cao nhất của Công ty gồm tất cả các cổ đông có quyền biểu quyết, họp mỗi năm ít nhất 01 lần. ĐHĐCĐ quyết định những vấn đề được luật pháp và Điều lệ Công ty quy định. Đặc biệt, ĐHĐCĐ sẽ quyết định phương hướng, nhiệm vụ phát triển Công ty và kế hoạch sản xuất kinh doanh ngắn hạn, trung hạn và dài hạn của Công ty; thông qua phương án sử dụng tài sản và phương án đầu tư phát triển sản xuất kinh doanh và hoàn thiện công nghệ. ĐHĐCĐ cũng là cơ quan bầu, bãi miễn thành viên HĐQT và Ban kiểm soát.

Hội đồng quản trị (HĐQT) là cơ quan quản lý Công ty, có toàn quyền nhân danh Công ty để quyết định các vấn đề liên quan đến quản lý và hoạt động của Công ty phù hợp với Pháp luật Việt Nam, trừ những vấn đề thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông. HĐQT có thẩm quyền quyết định chiến lược phát triển của Công ty. HĐQT có trách nhiệm giám sát Giám đốc và những người quản lý khác. Hội đồng quản trị họp ít nhất một quý một lần. Quyền và nghĩa vụ của HĐQT do Luật pháp và Điều lệ Công ty, các Quy chế nội bộ của Công ty và Nghị quyết của ĐHĐCĐ quy định.

Ban kiểm soát là cơ quan trực thuộc Đại hội đồng cổ đông, do Đại hội đồng cổ đông bầu ra. Ban kiểm soát có nhiệm vụ kiểm tra tính hợp lý, hợp pháp trong điều hành hoạt động kinh doanh, báo cáo tài chính của Công ty. Ban kiểm soát Công ty hoạt động độc lập với Hội đồng quản trị và Ban Giám đốc.

Ban Giám đốc của Công ty gồm có:

- Giám đốc do HĐQT bổ nhiệm, là người điều hành và có quyết định cao nhất về tất cả các vấn đề liên quan đến hoạt động hàng ngày của Công ty và chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản trị về việc thực hiện các quyền và nhiệm vụ được giao.
- Phó Giám đốc là người giúp việc cho Giám đốc và chịu trách nhiệm trước Giám đốc về phần việc được phân công, chủ động giải quyết những công việc đã được Giám đốc ủy quyền và phân công theo đúng chế độ chính sách của Nhà nước và Điều lệ của Công ty.

Phòng Kế hoạch - Kỹ thuật:

- Công tác Kinh tế - Kế hoạch có các nhiệm vụ sau: Là đầu mối giải quyết các lĩnh vực kế hoạch, kinh doanh, dự toán, đấu thầu các công trình, công tác thị trường và tiêu thụ sản phẩm và có nhiệm vụ chủ yếu: Xây dựng kế hoạch phát triển dài hạn, trung hạn, ngắn hạn của Công ty, phương án giao khoán và đối chiếu thanh quyết toán khối lượng máy thi công, nhân công cho đơn vị; Tổng hợp báo cáo về tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh, lập hồ sơ dự thầu các gói thầu thi công xây lắp điện, xây dựng; thực hiện việc thanh quyết toán công trình với chủ đầu tư và các công tác khác có liên quan.
- Công tác Kỹ thuật: Là đầu mối giải quyết các lĩnh vực công tác kỹ thuật thi công các công trình điện, công trình công nghiệp và dân dụng, nghiên cứu ứng dụng khoa học công nghệ, chất lượng sản phẩm, sở hữu công nghiệp; kỹ thuật an toàn và vật tư thiết bị, xe máy thi công và có nhiệm vụ chủ yếu sau: Xây dựng và tổ chức thực hiện phương án tổ chức thi công các công trình nguồn điện, lưới điện, các công trình công nghiệp và dân dụng; biên soạn, tổ chức thực hiện các quy trình, quy phạm, tiêu chuẩn kỹ thuật, chất lượng sản phẩm, kỹ thuật an toàn trong Công ty; tổ chức thực hiện các chương trình nghiên cứu ứng dụng khoa học, phát triển công nghệ sáng kiến cải tiến kỹ thuật; chủ trì xây dựng định mức kinh tế kỹ thuật, tiêu chuẩn sản phẩm; xây dựng biện pháp về việc bảo đảm an toàn sản xuất, an toàn lao động; chủ trì tổ chức thực hiện công tác nghiệm thu, lập đầy đủ hồ sơ nghiệm thu và lập hồ sơ nghiệm thu công trình, hồ sơ hoàn công công trình; bàn giao công trình cho chủ đầu tư.
- Thực hiện công tác bồi dưỡng nghề thi nâng bậc, bồi dưỡng huấn luyện nghiệp vụ quản lý kỹ thuật cho CBCNV trong Công ty.

Phòng Tổng hợp:

- Công tác Tổ chức lao động có nhiệm vụ chủ yếu: Chủ trì xây dựng phương án cơ cấu tổ chức quản lý của Công ty, quy định chức năng, nhiệm vụ, biên chế của các phòng ban, chi nhánh, đơn vị trực thuộc; phương án thành lập, chia tách, sáp nhập, hợp nhất; công tác nhân sự và tuyển dụng lao động, quản lý lao động; công tác thanh toán tiền lương, bảo hiểm, chế độ chính sách về lao động và các chế độ chính sách đối với người lao động; công tác đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công nhân viên; chủ trì xây dựng một số Quy chế quản trị điều hành của Công ty
- Giải quyết các công việc về lĩnh vực hành chính, quản trị của Công ty và có nhiệm vụ chủ yếu sau: Xây dựng, theo dõi và đôn đốc việc thực hiện chương trình, kế hoạch công tác của Giám đốc; Tổ chức quản lý thực hiện và hướng dẫn thực hiện công tác văn thư, lưu trữ tại Công ty theo quy định của pháp luật; quản lý hoạt động thông tin, liên lạc, tổng hợp thi đua, khen thưởng, kỷ luật, quản lý sử dụng con dấu; Tổ chức và phục vụ các hội nghị, cuộc họp, làm việc, tiếp khách của lãnh đạo Công ty; Quản lý tài sản của Công ty, bao gồm: cơ sở vật chất, nhà cửa, trang thiết bị văn phòng và các lĩnh vực công tác khác có liên quan.
- Theo dõi và quản lý chăm sóc sức khỏe của người lao động trong Công ty, tổ chức khám sức khỏe định kỳ, sức khỏe cho lao động làm việc trên cao, đề xuất nghỉ dưỡng phục hồi sức khỏe tại chỗ cho người lao động. Theo dõi, lập kế hoạch mua sắm và cấp phát các phương tiện bảo hộ lao động.
- Thực hiện công tác đền bù giải phóng mặt bằng phục vụ thi công.
- Thực hiện công tác thanh tra bảo vệ, quân sự, tự vệ của Công ty theo quy định của pháp luật và các lĩnh vực công tác khác có liên quan.

Phòng Vật tư: Quản lý vật tư, máy móc thiết bị và sửa chữa bảo dưỡng; Mua sắm quản lý vật tư, thiết bị xe máy phục vụ sản xuất, thanh quyết toán tiêu hao vật tư nhiên liệu với các chủ đầu tư, phê duyệt quyết toán thanh toán tiêu hao vật tư cho các đơn vị thi công; Thực hiện công tác tiếp cận khách hàng và các thủ tục bán hàng; Lập và quản lý, theo dõi các hợp đồng cung cấp sản phẩm sản xuất công nghiệp; lập và tham gia dự thầu các gói thầu cung cấp sản phẩm sản xuất công nghiệp.

Phòng Tài chính - Kế toán: Là đầu mối giải quyết các lĩnh vực công tác tài chính, kế toán, tổ chức hệ thống kế toán và có nhiệm vụ chủ yếu: Quản lý, theo dõi, hướng dẫn và kiểm tra việc thực hiện các chế độ về tài chính, kế toán và quản lý tài sản; lập kế hoạch tài chính hàng năm, kế hoạch vốn phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh và cơ cấu nguồn vốn cho các dự án đầu tư, vốn cho hoạt động thi công xây dựng các công trình; đề xuất phương án huy động vốn; tổng hợp chi phí sản xuất, phân tích hoạt động tài chính, xác định kết quả sản xuất kinh doanh, phương án trích lập các quỹ; đề xuất các biện pháp tháo gỡ khó khăn, chấn chỉnh công tác quản lý, nâng cao hiệu quả hoạt động của Công ty và các công tác khác có liên quan.

Chi nhánh Công ty Cổ phần Xây dựng Điện VNECO 8 tại Đắk Nông: Sản xuất trụ bê tông ly tâm dự ứng lực trước, gia công cơ khí; xây lắp đường dây và trạm biến áp đến 500 KV.

Các Đội và Tổ xây lắp điện: Xây lắp đường dây và trạm biến áp đến 500 KV, xây dựng dân dụng, công nghiệp. Lực lượng lao động của đội gồm đội trưởng, lực lượng của Tổ gồm Tổ trưởng, Tổ phó và 10 - 15 công nhân kỹ thuật. Ngoài lực lượng lao động thuộc biên chế, các đơn vị thường xuyên thuê nhân công tại chỗ để thực hiện những công việc đơn giản như đào đúc móng, vận chuyển vật tư

4. Danh sách cổ đông nắm giữ trên 5% vốn cổ phần của Công ty, Danh sách cổ đông sáng lập và tỷ lệ cổ phần nắm giữ, Cơ cấu cổ đông

Bảng 2: Danh sách cổ đông nắm giữ trên 5% vốn cổ phần của Công ty

Cổ đông	Địa chỉ	Số ĐKKD	Số cổ phần
Tổng Công ty Cổ phần Xây dựng Điện Việt Nam	234 Nguyễn Văn Linh, TP. Đà Nẵng	3203000819	1.006.809

Nguồn: Sổ cổ đông ngày 21/05/2012 - Vneco 8

Bảng 3: Danh sách cổ đông sáng lập của Công ty

Họ tên	Địa chỉ	Theo giấy CNĐKKD	
		Số lượng CP nắm giữ	Tỉ lệ nắm giữ (%)
Nguyễn Hoàng Nam	Hòa Minh, quận Liên Chiểu, thành phố Đà Nẵng	100.000	5,0%
Nguyễn Đình Thành	Phường Tự An, TP Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk	17.250	0,9%
Tổng Công ty CP Xây dựng điện Việt Nam	Số 234 Nguyễn Văn Linh, thành phố Đà Nẵng	1.020.000	51,0%
146 cổ đông khác		862.750	43,1%
Tổng cộng		2.000.000	100,0%

Nguồn: Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 40.03.000.031 thay đổi lần thứ 3 ngày 12/03/2008

Bảng 4: Danh sách cổ đông của Công ty tại ngày 21/5/2012

STT	Tên cổ đông	Số lượng cổ phần	Giá trị (mệnh giá)	Tỷ lệ (%)	Số lượng cổ đông
1	Cổ đông trong nước	1.800.000	18.000.000.000	100%	120
	Cổ đông tổ chức	1.006.809	10.068.090.000	55,93%	1
	Cổ đông cá nhân	793.191	7.931.910.000	44,07%	119
2	Cổ đông nước ngoài	0	0	0	0
	Tổng	1.800.000	18.000.000.000	100%	120

Nguồn: Sổ cổ đông ngày 21/05/2012 - Vneco 8

5. Danh sách công ty mẹ, công ty con của Công ty Cổ phần Xây dựng Điện Vneco 8, những công ty mà Vneco 8 đang nắm giữ quyền kiểm soát hoặc cổ phần chi phối, những công ty nắm quyền kiểm soát hoặc cổ phần chi phối đối với Vneco 8

- Công ty mẹ: Tổng Công ty Cổ phần Xây dựng Điện Việt Nam

Bảng 5: Thông tin về công ty mẹ

Cổ đông	Địa chỉ	Số ĐKKD	Số cổ phần	% vốn điều lệ thực góp
Tổng Công ty Cổ phần Xây dựng Điện Việt Nam	234 Nguyễn Văn Linh, TP. Đà Nẵng	3203000819	1.006.809	55,93%

- Công ty con: Công ty Cổ phần Xây dựng Điện Vneco 8 không có công ty con

6. Hoạt động kinh doanh

6.1. Sản lượng, sản phẩm/ giá trị dịch vụ qua các năm

6.1.1. Hoạt động xây lắp điện

Công ty Cổ phần Xây dựng Điện VNECO 8 hoạt động trong các lĩnh vực xây lắp các công trình điện, nguồn điện, hệ thống lưới điện và trạm biến áp đến 500KV. Các sản phẩm xây lắp chính bao gồm:

- Xây dựng và lắp đặt hoàn chỉnh các công trình đường dây truyền tải điện có cấp điện áp từ 0,4kV đến 500kV gồm các hạng mục chính như sau:
 - Đào đúc móng và tiếp địa;

- Dựng cột bê tông ly tâm và cột thép;
- Rải kéo căng dây dẫn và dây cáp quang;
- Phát quang hành lang tuyến, thí nghiệm hiệu chỉnh và đóng điện bàn giao công trình.
- Xây dựng và lắp đặt các trạm biến áp có cấp điện áp đến 500KV, Bao gồm các hạng mục sau:
 - San đắp nền trạm;
 - Đào đúc móng đỡ thiết bị;
 - Lắp đặt hệ thống tiếp địa;
 - Xây dựng nhà điều khiển, nhà nghỉ ca, nhà bảo vệ...;
 - Xây dựng hệ thống đường trong và ngoài trạm;
 - Lắp đặt thiết bị;
 - Lắp đặt hệ thống điều khiển, bảo vệ và đo lường;
 - Lắp đặt hệ thống thông tin liên lạc;
 - Xây dựng và lắp đặt hệ thống phòng cháy chữa cháy và xử lý sự cố;
 - Thí nghiệm hiệu chỉnh, lập phương thức đóng điện;
 - Đóng điện bàn giao công trình.
- Ngoài ra, công ty còn tiến hành xây lắp các công trình viễn thông. Bao gồm:
 - Xây lắp nhà trạm BTS;
 - Đào đúc móng cột ăng ten và hệ thống tiếp địa;
 - Lắp đặt thiết bị nhà trạm BTS;
 - Thí nghiệm, hiệu chỉnh bàn giao công trình.

Hình 1: Một số dự án thi công tiêu biểu của Công ty
Công trình đường dây và trạm biến áp



Dự án đường dây 500KV Sơn La – Hòa Bình



Đường dây 220KV Tuy Hòa – Nha Trang



Trạm biến áp 110KV Bình Long và nhánh rẽ



Đường dây 500KV Pleiku – Phú Lâm



Đường dây 220KV Buôn Kuop – Đăk Nông

Đường dây 500KV Đà Nẵng – Hà Tĩnh

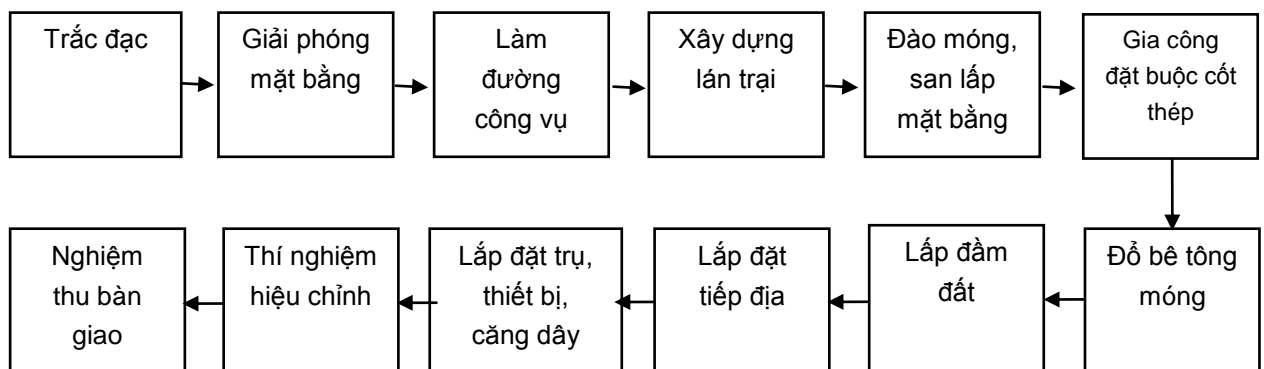


Trạm biến áp 220 KV Krong Buk



Trạm viễn thông Vietnam Mobile

Quy trình thực hiện các công trình xây lắp



Sau khi hoàn thành giải phóng mặt bằng, Công ty tiến hành làm đường để vận chuyển vật liệu, vật tư công tới những địa điểm xây dựng chưa có đường vào. Sau đó tiến hành xác định vị trí móng mặt bằng trạm so với hồ sơ thiết kế; xây dựng lán trại cho công nhân, lán trại tập kết, bảo quản vật tư, vật liệu. Căn cứ hồ sơ thiết kế móng, tiến hành đào đất hố móng, san lấp mặt bằng. Tiếp theo gia công cốt thép móng sau đó dựng, buộc cốt thép theo đúng bản vẽ thiết kế. Tiến hành trộn bê tông bằng máy. Tuân thủ các quy định kỹ thuật về công tác bê tông. Sau khi đã bảo dưỡng bê tông đúng thời gian quy định, tiến hành lắp, đầm đất theo đúng dung lượng thiết kế. Tiếp theo, lắp dựng trụ thiết bị bằng phương pháp thủ công kết hợp cơ giới và rải căng dây. Trong quá trình căng dây lắp đặt thiết bị cần đặc biệt quan tâm đến công

tác an toàn và đội ngũ Công nhân lành nghề có bậc thợ cao. Cuối cùng, lập đầy đủ các hồ sơ kỹ thuật, chất lượng công trình, trình hội đồng nghiệm thu phê duyệt.

6.1.2. Hoạt động sản xuất công nghiệp

Sản xuất công nghiệp các sản phẩm cột điện thép, khung nhà tiền chế và gia công cơ khí, cột điện bê tông được sử dụng chủ yếu trong các ngành Điện, Bưu chính viễn thông và ngành xây dựng công nghiệp, dân dụng. Nhóm khách hàng chủ yếu đối với lĩnh vực này là các đơn vị sản xuất, kinh doanh điện năng, các chủ đầu tư thuộc Tập đoàn Bưu chính Viễn thông và các chủ đầu tư trong ngành xây dựng. Công ty có một nhà máy sản xuất với dây chuyền công nghệ cao sản xuất trụ điện bê tông ly tâm dự ứng lực tại khu công nghiệp Tâm Thắng tỉnh Đắk Nông. Công ty đã cung cấp các sản phẩm trụ điện bê tông ly tâm dự ứng lực cho các công trình điện và dự án cơ sở hạ tầng từ năm 2001 đến nay. Sản phẩm được tiêu thụ tại khu vực Miền Trung, Tây Nguyên và Đông Nam Bộ.

Hình 2: Sản phẩm bê tông dự ứng lực



Nguồn: Công ty cổ phần Xây dựng điện Vneco 8

6.1.3. Sản lượng sản phẩm và cơ cấu doanh thu lợi nhuận

Bảng 6: Cơ cấu doanh thu, giá vốn & lợi nhuận gộp năm 2010, 2011 và 6 tháng đầu năm 2012

Đơn vị: triệu đồng

TT	Tên sản phẩm dịch vụ	Năm 2010		Năm 2011		6 tháng đầu năm 2012	
		Doanh thu	Tỷ trọng	Doanh thu	Tỷ trọng	Doanh thu	Tỷ trọng
	Doanh thu						
1	Thi công xây lắp	22.062	69%	23.452	76%	10.450	86%
2	Sản xuất công nghiệp	10.060	31%	7.228	24%	1.645	14%
	Tổng cộng	32.122	100%	30.680	100%	12.095	100%
	Giá vốn						
1	Thi công xây lắp	17.736	72%	17.920	77%	8.381	87%
2	Sản xuất công nghiệp	6.766	28%	5.348	23%	1.262	13%
	Tổng cộng	24.502	100%	23.268	100%	9.643	100%
	Lợi nhuận gộp						
1	Thi công xây lắp	4.326	57%	5.532	75%	2.069	84%
2	Sản xuất công nghiệp	3.294	43%	1.880	25%	384	16%
	Tổng cộng	7.620	100%	7.412	100%	2.453	100%

Nguồn: Báo cáo tài chính kiểm toán năm 2010, 2011 và báo cáo tài chính quý 2/2012 – Vneco 8

- Thi công xây lắp là hoạt động chủ đạo của Công ty với tổng doanh thu bình quân năm 2010, 2011 đạt khoảng 23 tỷ đồng (chiếm khoảng 72% tổng doanh thu cả năm). Trong năm 2011, Công ty đã thi công và đưa vào vận hành một số công trình đường dây có quy mô lớn như đường dây 220KV Buôn Kuop – Đăk Nông, đường dây 220KV Trị An – Long Bình, đường dây 220KV Ô Môn – Sóc Trăng ...
- Đối với sản phẩm trụ điện bê tông, dự án Cấp điện các thôn, buôn chưa có điện tại 5 tỉnh Tây Nguyên với mục tiêu đưa điện lưới quốc gia về 1.300 thôn, buôn chưa có điện đã hoàn thành giai đoạn 1 (cuối năm 2010) dự kiến khởi động giai đoạn 2 trong năm 2012 khiến doanh thu từ sản xuất công nghiệp giảm mạnh trong năm 2011 (giảm 2.832 triệu đồng tương đương 28%). Hiện tại, Ban Quản lý dự án điện nông thôn miền Trung đang khởi động giai đoạn 2 của dự án thông qua việc mời thầu và tổ chức đấu thầu vào cuối tháng 7 năm 2012. Theo đó, dự án triển khai tại 5 tỉnh gồm: Quảng Trị, Thừa Thiên - Huế, Quảng Nam, Quảng Ngãi và Gia Lai. Cụ thể, sẽ xây dựng đường dây trung áp dài 246,5km, đường dây hạ áp dài 1.861km và 322 trạm biến áp tổng dung lượng 37.705kVA với tổng kinh phí của dự án là 958 tỷ đồng. Ban Quản lý đang tích cực cùng các địa phương hoàn tất công tác giải phóng mặt bằng. Theo kế hoạch, dự án sẽ hoàn thành trước năm 2014, khắc phục tình trạng quá tải, nâng cao chất lượng cung cấp điện, đáp ứng nhu cầu sử dụng điện của 174.726 hộ dân các địa phương nói trên. Nguồn vốn của dự án là nguồn vốn vay của Ngân hàng Phát triển châu Á (ADB) và Ngân hàng tái thiết Đức (KfW).
- Lợi nhuận gộp của mảng xây lắp được duy trì ở mức khá tốt và tăng trưởng qua từng năm, cụ thể tỷ suất lợi nhuận gộp/doanh thu tăng từ 20% năm 2010 lên 24% vào năm 2011.
- Mảng sản xuất công nghiệp cũng có mức tỷ suất lợi nhuận gộp/doanh thu khá cao bình quân 29% doanh thu. Tuy nhiên do doanh thu hoạt động sản xuất công nghiệp năm 2011 giảm 28% so với năm 2010 và do sự tăng giá của các nguyên vật liệu đầu vào và chi phí điện tăng mạnh trong năm 2011, nên lợi nhuận gộp từ mảng sản xuất công nghiệp năm 2011 đã giảm 43% so với năm 2010.
- Doanh thu của hoạt động xây lắp, sản xuất công nghiệp 6 tháng đầu năm 2012 đạt tương ứng 45%, 23% doanh thu của từng hoạt động trong năm 2011, trong khi lợi nhuận gộp của từng hoạt động đồng ần lượt là 37% và 20% so với lợi nhuận gộp của từng hoạt động trong năm 2011 là do một số nguyên nhân sau đây:
 - Quý 1 rơi vào giai đoạn nghỉ Tết nguyên đán năm 2011 khá dài do đó các hoạt động đầu tư, thi công thường triển khai chậm và tiến độ được bắt đầu kể từ sau tháng 2/2012. Do đó doanh thu và lợi nhuận của Quý 1 thường thấp so với các quý khác trong năm, đây là đặc tính khá phổ biến của lĩnh vực xây dựng nói chung và công nghiệp điện nói riêng. Bước sang quý 2, các hoạt động xây lắp và sản xuất công nghiệp đã được đẩy mạnh và doanh thu quý 2/2012 đã tăng 41% so với cùng kỳ năm trước, tuy nhiên do yếu tố chi phí đầu vào tăng cao nên lợi nhuận gộp chỉ tăng 12% so với cùng kỳ năm trước.
 - Trong 6 tháng đầu năm 2012, các dự án nghiệm thu và ghi nhận vào doanh thu, lợi nhuận chủ yếu đến từ các dự án là Công trình cấp điện tái định cư Sông Bung 4, Công trình cải tạo 220KV Đa Nhim – Long Bình, đường dây 110KV Cao Lãnh 2 – Mỹ Thuận ...

6.2. Nguyên vật liệu

Nguyên vật liệu chính dùng trong thi công xây lắp điện bao gồm: Thép tròn dùng trong bê tông, xi măng, cát, đá dăm cá loại, cấu kiện thép mạ kẽm, dây dẫn điện, thiết bị điện chiếu sáng và sinh hoạt ...

Nguồn nguyên vật liệu của Công ty chủ yếu được sản xuất trong nước, khá dồi dào và sẵn có tại các địa bàn thi công dự án. Để đảm bảo và chủ động trong việc cung cấp nguyên vật liệu phục vụ quá trình thi công, Công ty đã áp dụng quy trình lựa chọn nhà cung cấp theo các tiêu chí cơ bản sau:

- Nhà cung cấp phải là đơn vị có uy tín, có năng lực, vật tư cung cấp phải đáp ứng tiêu chuẩn chất lượng theo các quy chuẩn chất lượng Việt Nam và đã được chủ đầu tư phê duyệt;
- Đối với các loại vật liệu chính, mỗi công trình cần trung bình từ 2-3 nhà cung cấp để hạn chế rủi ro của yếu tố phụ thuộc

Các loại vật tư phụ, nhỏ lẻ khác khi thực hiện quá trình mua hàng được phép bỏ qua các bước lựa chọn đơn vị cung ứng, nhưng phải đảm bảo chất lượng của vật tư và tiến độ cung ứng. Tất cả vật tư mua về phải được kiểm tra trước khi nhập kho.

Căn cứ vào tiến độ công trình và tiến độ thi công từng hạng mục Công ty tiến hành đặt hàng theo từng lô với các nhà cung ứng.

Nguyên vật liệu chính dùng cho sản phẩm cột điện bê tông ly tâm dự ứng lực bao gồm: Thép cường độ cao PC dùng trong cột bê tông dự ứng lực, thép tròn xây dựng dùng trong cấu kiện bê tông đúc sẵn hoặc kết cấu móng trụ điện, xi măng, cát, đá dăm.

Đối với thép cường độ cao PC, Công ty nhập khẩu từ Trung Quốc, Thái Lan qua các đại lý nhập khẩu. Thép tròn xây dựng được sản xuất trong nước như Thép Miền Nam, thép Liên doanh Việt Nhật, Việt Ý, Pomina ...thông qua các đại lý phân phối tại địa phương. Để đảm bảo công suất sản xuất, Công ty thường tính toán khối lượng nhập hàng tồn kho cho nhu cầu sản xuất đến 1,5 tháng.

Công ty đã hợp tác và xây dựng mối quan hệ truyền thống, ổn định với các nhà cung cấp có uy tín và thương hiệu trên thị trường đối với các loại vật tư chính phục vụ sản xuất cột điện bê tông ly tâm ứng lực trước, vật tư thiết bị đường dây và trạm biến áp.

Bảng 7: Một số nhà cung cấp nguyên vật liệu đầu vào của Công ty

TT	Nguyên vật liệu	Nhà cung cấp
01	Thép ứng lực	Công ty cổ phần KD&TM VLXD Fico Công ty cổ phần dầu thực vật Bình Định Công ty cổ phần Kỹ Nguyên Mới
02	Thép tròn xây dựng	Công ty cổ phần đầu tư thép Phương Tạo Công ty cổ phần Nhân Luật miền Trung
03	Xi măng	Công ty cổ phần Bảo Trân Công ty cổ phần Đức Thịnh Công ty TNHH Trường Phong
04	Đá dăm các loại	Công ty TNHH Thạch Anh Công ty TNHH Lâm Phong
05	Cát	Doanh nghiệp tư nhân Hà Khánh
	Than Đá	Công ty TNHH Thảo Linh
	Dầu bôi khuôn, phụ da bê tông	Công ty TNHH BASF Việt Nam
06	Phụ kiện điện	Công ty cổ phần Thiết bị điện Tuấn Ân Công ty cổ phần Thiết bị điện Sài Gòn SEE Công ty TNHH Ngân Giang
07	Cáp điện	Công ty cổ phần Địa ốc- Cáp điện Thịnh Phát
08	Bu lông các loại	Nhà máy Quy chế II
09	Cấu kiện mạ kẽm	Công ty cổ phần chế tạo kết cấu thép VNECO.SSM Công ty cổ phần cơ điện Hoàng Hưng Công ty cổ phần cơ điện Miền Trung

Nguồn: Vneco 8

Qua nhiều năm làm việc và hợp tác, Công ty đã tạo lập được được mối quan hệ truyền thống với các nhà cung cấp có uy tín, một số nhà cung cấp có quan hệ đối tác uy tín và lâu năm với Công ty đã có nhiều ưu đãi cho Công ty trong quá trình nhập hàng và thanh toán, tạo điều kiện thuận lợi cho việc nhập khẩu các nguyên vật liệu phục vụ cho việc sản xuất được kịp thời.

6.3. Chi phí sản xuất

Bảng 8: Cơ cấu chi phí sản xuất

Đơn vị tính: Triệu đồng



Chi phí	Năm 2010		Năm 2011		6 tháng đầu năm 2012	
	Giá trị	% doanh thu	Giá trị	% doanh thu	Giá trị	% doanh thu
Giá vốn hàng bán	24.502	76%	23.268	76%	9.643	80%
Chi phí bán hàng	663	2%	487	2%	239	2%
Chi phí quản lý doanh nghiệp	2.776	9%	3.331	11%	1.330	11%
Chi phí tài chính	2.026	6%	3.578	12%	493	4%
Chi phí khác	33	0%	145	0%	-	0%
Tổng cộng	30.000	93%	29.809	99%	11.705	97%

Nguồn: Báo cáo tài chính kiểm toán 2010, 2011 và BCTC quý 2/2012 của VNECO 8

- Chi phí nguyên vật liệu đối với sản xuất công nghiệp như cột bê tông chiếm từ khoảng 55% đến 60% tổng giá thành sản phẩm, tiếp đến là chi phí nhân công (chiếm khoảng 25%), chi phí thuê ngoài khác (11%), chi phí khấu hao tài sản cố định chuyên dùng cho từng dự án (6%), chi phí vận hành máy thi công (4%).
- Trong năm 2011, do số lượng dự án và sản phẩm bán ra thấp hơn 4% so với năm 2010 nên giá vốn hàng bán cũng sụt giảm 5% ở hầu hết các thành phần chi phí trừ chi phí thuê máy thi công tăng 29% do chi phí nhiên liệu vận hành máy thi công tăng. Tuy nhiên, tốc độ giảm của doanh thu và giá vốn không đồng đều chủ yếu là do số lượng dự án và các sản phẩm bán ra giảm mạnh nhưng chi phí thi công và sản xuất vẫn tăng cao đặc biệt là chi phí nguyên vật liệu đầu vào và chi phí điện, khiến cho lợi nhuận gộp của Công ty giảm 208 triệu đồng (tương đương 3%) so với năm 2010.
- Chi phí bán hàng chủ yếu là các chi phí bốc xếp, vận chuyển sản phẩm đến nơi tiêu thụ. Chi phí giảm do doanh số bán hàng trong năm 2011 giảm.
- Chi phí quản lý doanh nghiệp trong năm 2011 tăng chủ yếu do chi phí nhiên liệu xăng xe, điện nước phục vụ quản lý chung tăng 311 triệu đồng và chi phí lương khối văn phòng quản lý tăng 244 triệu đồng (tăng 207% so với năm 2010).
- Chi phí tài chính năm 2011 tăng 76,6% so với năm 2010 là do lãi suất vay tăng trong khoảng 15% lên 25% và phát sinh nhiều phụ phí ngân hàng. Đồng thời trong năm 2011, do thị trường chứng khoán sụt giảm, giá cổ phiếu của Công ty cổ phần Sông Ba (SBA) giảm còn khoảng 40% giá trị đầu tư làm phát sinh thêm chi phí trích lập dự phòng hơn 1 tỷ đồng.
- Chi phí khác trong năm 2011 là chi phí đầu tư sửa chữa máy móc thiết bị đã hết khấu hao trước khi tiến hành thanh lý tài sản. Trong năm 2011, Công ty đã đầu tư sửa chữa và thanh lý 2 trạm biến áp và đường dây đã hết khấu hao.
- Chi phí 6 tháng đầu năm 2012: Do doanh thu 6 tháng chỉ bằng 39% so với doanh thu năm 2011 nên giá vốn hàng bán, chi phí quản lý xấp xỉ 40% so với chi phí năm 2011, riêng chi phí tài chính chỉ bằng 14% so với cả năm 2011 là do dư nợ vay ngắn hạn, dài hạn đều giảm và lãi suất Quý 2/2012 giảm từ 22% xuống mức bình quân 15%/năm khiến chi phí lãi vay chỉ còn 891 triệu đồng. Trong kỳ, Công ty đã hoàn nhập 516 triệu đồng dự phòng giảm giá chứng khoán SBA do giá cổ phiếu này đã tăng lên 5.300 đồng tại ngày 29/06/2012.

6.4. Trình độ công nghệ

Tổng Công ty cổ phần Xây dựng điện VNECO 8 có hệ thống máy móc hiện đại nhập khẩu từ Nhật Bản, Hàn Quốc để phục vụ cho hoạt động xây lắp và sản xuất công nghiệp của Công ty. Một số máy móc chính hiện đang được sử dụng tại Công ty cổ phần Xây dựng điện VNECO 8 như:

Bảng 9: Danh sách máy móc công nghệ

STT	Tên máy móc thiết bị	ĐVT	Số lượng	Năm sản xuất	Công suất
Thiết bị thi công xây lắp					
1	Xe Ô tô IFA	Xe	04	1992	5 tấn



2	Xe Ôtô vận tải KMAZ sơ my	Xe	01	1998	12 tấn
3	Xe Ôtô HUYN DAI ben	Xe	01	2000	15 tấn
4	Xe Công nông đầu dọc	Xe	04	2002	18CV
5	Xe cầu MAZ	Xe	01	1998	10 tấn
6	Xe tải gắn cầu HUYN DAI	Xe	01	2000	5 tấn
7	Máy ủi D6R	Máy	01	2001	175CV
8	Máy ủi DT 55 ^a	Máy	01	1998	95CV
9	Xe đào bánh xích KOMATSU	Xe	01	1999	1,25m ³
10	Xe đào bánh xích HITACHI EX 200 LC	Xe	01	2000	1,2 m ³
11	Máy TBT IMER-TE350 HONDA GX	Cái	02	2001-2002	350 lít
12	Máy trộn bê tông	Cái	10	2000-2003	350 lít
13	Máy trộn bê tông ATLAS	Cái	02	1998	350 lít
14	Máy bơm nước	Cái	02	2007	15CV
15	Máy đầm đất ITABAS	Cái	03	2001	
16	Máy đầm đất ROBIN	Cái	04	2006	
17	Máy đầm dùi bê tông CDC-02-6145	Cái	11	2000-2003	
18	Máy đầm bàn bê tông ROBIN	Cái	04	2000	
19	Máy phát hàn chạy xăng GX 320	Cái	02	1998	
20	Máy phát điện KUBOTA	Cái	01	1999	
21	Biến áp hàn	Cái	03	1990-1998	
22	Máy phát điện DZIMA-20CDS	Cái	01	1990	
23	Máy tời 5 tấn TTD5000CT	Cái	05	2003-2005	5 tấn
24	Máy tời 3 tấn	Cái	08	2001	3 tấn
25	Máy cắt sắt	Cái	02	2001	
26	Máy tăng hãm B1200/4	Cái	01	2002	
27	Máy ép thủy lực	Cái	03	2002	100 tấn
28	Máy ép dây dẫn	Cái	02	2002	700kg/cm ²
29	Kim cắt dây thủy lực HA-40-62	Cái	05	2003	
30	Kim ép đầu cốt dây dẫn	Cái	03	1998	
31	Kích căng dây	Cái	02	2002	5 tấn
32	Cần bích hợp kim nhôm FAL 120 có đế	Bộ	09	1998-2005	5 tấn
33	Cần bích gia công 450CBTD	Bộ	01	2005	5 tấn
34	Máy siết bu lông loại hơi	Cái	02	2001	
35	Máy kinh vĩ DALTA	Bộ	01	2000	
36	Máy đo khoảng cách	Cái	02	2003	
37	Xe MÊKÔNG STAR	Xe	01	1998	7 chỗ
38	Xe MAZA323	Xe	01	1998	4 chỗ
39	Xe ISUZU	Xe	01	2004	7 chỗ
40	Xe USUZU bán tải	Xe	01	2007	
41	Xe UOAT	Xe	01	2002	4 chỗ
42	Bồn nước	Cái	05	2005	500 lít
43	Xe chuyển cột thủ công	Cái	05	2005	2 tấn
44	Cốp pha thép	M ²	2000	2006	
45	Giàn giáo thép	Bộ	200	2005	
Thiết bị sản xuất cột điện bê tông ly tâm					
1	Cầu trục dầm	Cái	03	2006	3,2 tấn
2	Palăng điện cáp YH3-216D	Cái	04	2003	3 tấn
3	Máy hàn điện	Cái	02	2006	

4	Hệ thống nạp bê tông	Cái	01	2006	
5	Máy đập đầu thép	Cái	01	2006	
6	Máy cắt thép tiền áp tự động	Cái	01	2006	
7	Giàn quay cột bê tông ly tâm 12-16m	Bộ	02	2006	20 cột/ca
8	Máy căng thép ứng lực 150 tấn	Máy	01	2006	150N
9	Khuôn cột 8,4m	Bộ	16	2006	
10	Khuôn cột 10,5m	Bộ	12	2006	
11	Khuôn cột 12m	Bộ	04	2006	
12	Khuôn cột 14m	Bộ	02	2006	
13	Khuôn cột 20m	Bộ	01	2006	
14	Máy tiện cụt và bàn xe dao	Bộ	01	2006	
15	Máy tháo lắp bu lông bằng khí ga	Máy	01	2006	
16	Máy làm nòng thép	Máy	01	2003	20 nòng/ca
17	Thiết bị lò hơi	Bộ	01	2006	500L
Thiết bị dụng cụ kiểm tra					
1	Thiết bị thử lực đầu cột	Bộ	01	2000	
2	Súng thử mác bê tông	Cái	01	2002	
3	Cầu đo trở một chiều	Cái	01	2001	
4	Bộ côn thử độ sụt loại N1	Bộ	01	2000	
5	Megômet	Cái	02	1998	

Nguồn: VNECO 8

Công ty dự kiến sẽ đầu tư thêm một số máy móc thiết bị trong năm 2012 để phục vụ tốt hơn cho sản xuất kinh doanh gồm:

- Đầu tư dây chuyền sản xuất ống cống bê tông ly tâm với công nghệ hiện đại
- 01 xe Romooc
- 01 xe tải cầu
- Một số thiết bị máy móc chuyên dùng trong xây lắp đường dây.

6.5. Tình hình nghiên cứu và phát triển sản phẩm mới

Với thế mạnh vốn có của Công ty trong ngành xây lắp điện, xây dựng công nghiệp, sản xuất các sản phẩm cột điện thép, Công ty đang nghiên cứu các phương án đầu tư thêm cơ sở chế tạo kết cấu thép mạ kẽm với công nghệ tiên tiến thay thế dần các nhà máy sản xuất cột điện bê tông hiện tại. Đồng thời, Công ty cũng nghiên cứu đầu tư xây dựng các nhà máy sản xuất gạch xây dựng phục vụ cho nhu cầu phát triển cơ sở hạ tầng của các tỉnh miền Trung Tây Nguyên.

6.6. Tình hình kiểm tra chất lượng sản phẩm/ dịch vụ

Với định hướng tối ưu hóa chất lượng của công trình, từng sản phẩm dịch vụ, việc kiểm tra chất lượng của từng giai đoạn được công ty đặt lên hàng đầu. Công ty xây dựng, duy trì và phát triển hệ thống quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn ISO 9001 : 2008 trong tất cả các khâu sản xuất, kinh doanh.

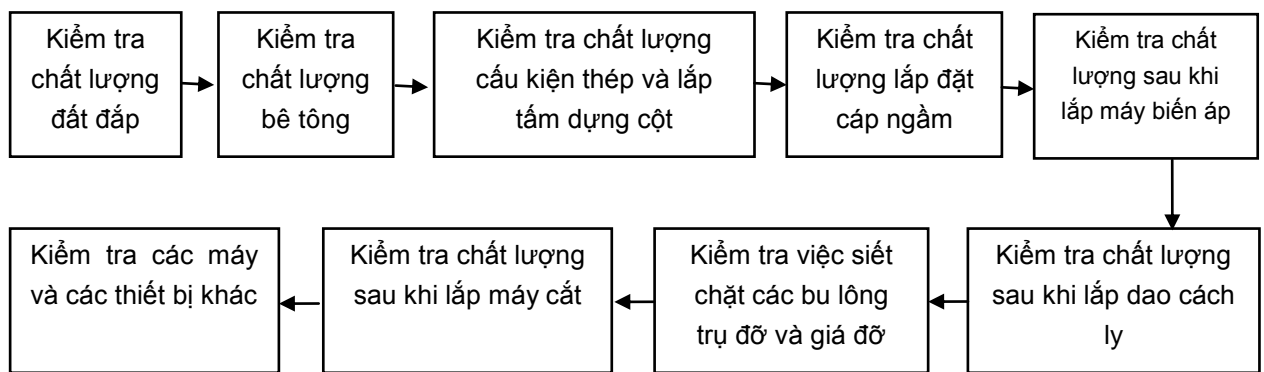
Ngoài việc kiểm tra giám sát chặt chẽ hàng ngày, Công ty còn tổ chức nghiệm thu nội bộ các khối lượng, hạng mục hoàn thành trước khi nghiệm thu bàn giao với chủ đầu tư. Định kỳ Công ty tổ chức các đợt đánh giá nội bộ được thực hiện bởi các chuyên gia đánh giá nội bộ gồm các phòng Kế hoạch Kỹ thuật, phòng Tài chính Kế toán, Phòng Vật tư và Phòng Tổng hợp của Công ty nhằm rà soát việc thực hiện các qui trình của hệ thống chất lượng Công ty, phát hiện các vấn đề thực tế chưa phù hợp để chấn chỉnh và cải tiến nâng cao hệ thống.

Đối với hoạt động xây dựng điện:

- **Giai đoạn nghiên cứu:** Các dự án được công ty xem xét kỹ lưỡng, tính toán các điều kiện thi công và cử cán bộ có kinh nghiệm khảo sát thực tế hiện trường, khảo sát giá cả nguyên vật liệu

- địa phương và thẩm định giá bỏ thầu có tính toán đến các rủi ro như đền bù giải phóng mặt bằng, thời tiết, thời gian thanh toán ... Các công trình được lập kế hoạch theo tiến độ một cách hợp lý và đảm bảo chi phí thấp nhất.
- **Giai đoạn thi công:** Trực tiếp tổ chức và giám sát thi công tại công trình là những chỉ huy trưởng và kỹ sư có kinh nghiệm lâu năm, thực hiện nghiệm thu và báo cáo tiến độ theo từng tổ đội, từng hạng mục công trình. Công ty luôn đặt kỷ luật lao động lên hàng đầu bằng các qui chế và nội qui công trường đã được phổ biến rộng rãi. Định kỳ các công nhân được học nâng bậc kỹ thuật, học an toàn lao động và cấp chứng chỉ.
 - **Giai đoạn nghiệm thu công trình:** Công ty cùng với chủ đầu tư, đơn vị giám sát và nhà thầu tư vấn thiết kế nghiệm thu công trình. Toàn bộ công trình chỉ được bàn giao sau khi đạt yêu cầu.

Hình 3: Quy trình kiểm tra chất lượng công trình xây lắp điện trong giai đoạn thi công và nghiệm thu



Đối với lĩnh vực sản xuất cột điện Bê tông ly tâm

- Các loại vật tư dùng để sản xuất hỗn hợp bê tông được kiểm tra chặt chẽ, đảm bảo chất lượng, khối lượng trước khi vào sản xuất.
- Sản phẩm sau khi sản xuất xong được nhân viên KCS tiến hành kiểm tra theo các yêu cầu kỹ thuật về hình dáng, kích thước theo TCXDVN 5847-1994.
- Sản phẩm sản xuất ra được kiểm tra nhanh cường độ bê tông bằng súng bắn bê tông. Sau một lô sản phẩm sản xuất thì tiến hành lấy mẫu thử tải trọng theo TCXDVN 5847-1994.
- Kết quả kiểm tra được lưu vào biểu mẫu tương ứng, kết quả thử nghiệm bên ngoài được lưu ở Phòng Kỹ thuật.

6.7. Hoạt động marketing

Chính sách giá cả

Đối với sản phẩm xây lắp, Công ty có chủ trương cung cấp sản phẩm chất lượng tốt với giá cả hợp lý cho khách hàng là các chủ đầu tư, các ban quản lý đặc biệt là các chủ đầu tư Vneco 8 có mối quan hệ tốt thuộc Tập đoàn Điện lực Việt Nam. Công ty tổ chức lực lượng thi công chuyên nghiệp, bố trí hợp lý trên các địa bàn thi công giảm chi phí chuyển quân, vận chuyển thiết bị, dụng cụ thi công.

Đối với sản phẩm cột điện bê tông, Công ty tổ chức kênh phân phối hợp lý, giảm chi phí vận chuyển đến mức tối đa, đảm bảo giá bán hạ hơn các đối thủ cạnh tranh. Công ty hiện đang áp dụng chính sách giá cả linh hoạt, thể hiện rõ trong kinh doanh với giá cả thay đổi theo từng thời điểm ...

Chính sách khuyến trương quảng bá thương hiệu

VNECO 8 tiến hành hỗ trợ chung cho các hoạt động hội nghị khách hàng, quảng bá sản phẩm, tham gia các hiệp hội ngành nghề, đào tạo lại hoặc đào tạo mới nguồn nhân lực.

Phân đoạn thị trường



Công ty tập trung làm triển khai xây lắp điện và cung cấp cột điện bê tông cho các công trình đường dây 500KV thuộc của các khách hàng thuộc địa bàn Tây Nguyên, Đông Nam Bộ và các tỉnh Miền Tây Nam Bộ.

Nhãn hiệu thương mại, đăng kí bản quyền sản phẩm

Hiện tại, Công ty Cổ phần Xây dựng Điện Vneco8 đang sử dụng logo của Tổng công ty Cổ phần Xây dựng Điện Việt Nam với nhãn hiệu thương mại: **VNECO**



Nhãn hiệu hàng hoá của Tổng công ty được đăng ký theo giấy chứng nhận đăng ký nhãn hiệu hàng hoá số 54185 do Cục sở hữu trí tuệ Công nghiệp cấp ngày 12/5/2004.

6.8. Các hợp đồng lớn đang thực hiện hoặc đã ký kết

Bảng 10: Các hợp đồng lớn đang được thực hiện hoặc đã được ký kết trong năm 2012

Số hợp đồng	Trị giá (triệu đồng)	Đối tác	Thời gian hoàn thành dự kiến	Sản phẩm
1493/2009/HĐNT-VNECO-KTKH	6.000	Tổng Công ty Cổ phần Xây dựng Điện Việt Nam	2012	Dựng cột và kéo dây đường dây 500KV Phú Mỹ - Sông Mây
1765/2011/HĐNT-VNECO-KTKH	960	Tổng Công ty Cổ phần Xây dựng Điện Việt Nam	2012	Thi công móng đường dây 500KV Pleiku - Mỹ Phước- Cầu Bông
1873/2011/HĐNT-VNECO-KTKH	1.690	Tổng Công ty Cổ phần Xây dựng Điện Việt Nam	2013	Kho bãi đường dây 500KV Pleiku - Mỹ Phước- Cầu Bông
302A/2011/HĐNT-VNECO-KTKH & 699/2012/HĐXL-VNECO-KTKH	4.956	Tổng Công ty Cổ phần Xây dựng Điện Việt Nam	2012	Thi công móng cột và dây đường dây 500KV Vĩnh Tân – Sông Mây
60/XL5–KH/HĐXL & PL số 47/XL5-KTKH/HĐXL	5.712	Xí nghiệp XL số 5 – Công ty TNHH MTV Xây lắp Điện 4	2012	Thi công kéo dây và thu hồi dây cũ đường dây 220KV Đa Nhim - Long Bình.
22/HĐ-ADLMN	9.685	Ban QLDA điện lực Miền Nam	2012	Xây lắp đường dây 110KV Bình Minh Cầu Kè
27-11/HĐXL-ĐCTMN	4.278	Công ty lưới điện cao thế Miền Nam	2012	Xây lắp đường dây 110KV Cao Lãnh - Mỹ Thuận
119/HĐ-TĐSB4-P2 & PL số 194/BSHĐ-TĐSB4-P2	6.402	Ban QLDA thủy điện Sông Bung 4	2012	Xây lắp đường dây 22/0,4KV cấp điện khu tái định cư Sông Bung 4
Tổng cộng	35.405			

Nguồn: Vneco8

7. Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh

7.1. Tóm tắt một số chỉ tiêu về hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty

Bảng 11: Kết quả hoạt động kinh doanh năm 2010, 2011 và 6 tháng đầu năm 2012

Đơn vị tính: triệu đồng

Chỉ tiêu	2010	2011		6T đầu năm 2012
	Giá trị	Giá trị	% tăng giảm	Giá trị
Tổng giá trị tài sản	38.192	40.055	5%	40.475
Doanh thu thuần	32.122	30.680	-4%	12.095
Lợi nhuận gộp	7.620	7.412	-3%	2.453
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	2.165	184	-92%	526
Lợi nhuận khác	(33)	18	-	-
Lợi nhuận trước thuế	2.132	202	-91%	526
Lợi nhuận sau thuế	1.591	144	-91%	434

Nguồn: BCTC kiểm toán năm 2010, 2011 và BCTC Quý 2/2012 - Vneco8

Trong năm 2011, doanh thu và lợi nhuận gộp của Công ty sụt giảm nhẹ so với năm 2010 chủ yếu là do khả năng tiêu thụ các sản phẩm trụ điện bê tông giảm do dự án cấp điện các thôn, buôn chưa có điện tại 5 tỉnh Tây Nguyên với mục tiêu đưa điện lưới quốc gia về 1.300 thôn, buôn chưa có điện đã hoàn thành giai đoạn 1 cuối năm 2010 và dự kiến sẽ khởi động giai đoạn 2 vào cuối tháng 7 năm 2012.

Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh, lợi nhuận trước và sau thuế của năm 2011 sụt giảm mạnh trên 90% so với năm 2010 chủ yếu là do các chi phí gián tiếp tăng mạnh như chi phí lãi vay tăng 1.002 triệu đồng trong năm 2011 do tổng số dư vay ngân hàng không tăng nhưng trước tình hình khó khăn chung của thị trường tiền tệ, lãi suất vay tăng từ 15% lên 25% cùng nhiều phụ phí ngân hàng phát sinh. Chi phí trích lập dự phòng đầu tư chứng khoán tăng 1.050 triệu đồng do thị trường chứng khoán suy giảm mạnh ảnh hưởng đến giá chứng khoán. Chi phí quản lý doanh nghiệp tăng 555 triệu đồng do giá cả hàng hóa vật tư đầu vào tăng cao.

Năm 2011, doanh thu thực tế đạt được chỉ bằng 81% so với kế hoạch doanh thu do ĐHCĐ thường niên 2011 đặt ra. Nguyên nhân là do ngay từ đầu năm 2011, ban lãnh đạo công ty đã rất tích cực triển khai đẩy mạnh hoạt động sản xuất, thi công nhưng do ảnh hưởng của nhiều yếu tố khách quan như Chính phủ đã đưa ra nhiều chính sách nhằm giảm lạm phát trong đó có thắt chặt tín dụng, cắt giảm đầu tư cho một số dự án làm ảnh hưởng đến doanh thu của công ty năm 2011.

Lợi nhuận trước thuế 6 tháng đầu năm 2012 tăng 324 triệu (tương đương 160%) so với lợi nhuận năm 2011 do chi phí tài chính 6 tháng đầu năm giảm, chỉ bằng 14% cả năm 2011 do dư nợ vay giảm, lãi suất giảm và hoàn nhập dự phòng (đã trình bày ở phần trên)

7.2. Những nhân tố ảnh hưởng đến hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty trong năm báo cáo

Năm 2010

Nhân tố thuận lợi

- Sự phục hồi kinh tế Việt Nam sau khủng hoảng tài chính thế giới cùng với các chính sách nới lỏng tín dụng, chính sách hỗ trợ lãi suất và thuế dành cho doanh nghiệp đã phát huy hiệu quả trong nửa đầu năm 2010 và có xu hướng giảm dần nửa cuối năm 2010.



- Dự án Cấp điện các thôn, buôn chưa có điện tại 5 tỉnh Tây Nguyên với mục tiêu đưa điện lưới quốc gia về hơn 1300 thôn, buôn chưa có điện hoàn thành giai đoạn 1 đem lại doanh thu lớn cho Công ty đối với sản phẩm trụ điện bê tông ly tâm.
- Sự đồng thuận của đội ngũ quản lý và nhân viên trực tiếp trong việc hưởng ứng phong trào thi đua làm việc tích cực trong cả năm nhằm đáp ứng kịp thời các đơn hàng và tiến độ công trình đã tạo thuận lợi cho việc giải quyết dứt điểm và kịp thời các công trình có khối lượng lớn, tiến độ gấp rút.

Khó khăn

- Nửa cuối năm 2010, nền kinh tế có nhiều dấu hiệu bất ổn, lãi suất và giá cả nguyên vật liệu tăng cao, nguồn vốn vay ngân hàng bị hạn chế.
- Nguồn nhân công còn nhiều bất cập, nhiều thời điểm không đáp ứng được nhu cầu công việc.
- Phương tiện vận tải hàng hóa còn thiếu, ảnh hưởng đến tiến độ giao sản phẩm tới người tiêu dùng
- Một số công trình có giá trị lớn đã được ký kết hợp đồng nhưng chủ đầu tư chậm bàn giao mặt bằng tuyến hoặc chưa phát lệnh khởi công phải chuyển qua năm sau làm ảnh hưởng đến kế hoạch điều phối nguồn lực.

Năm 2011**Nhân tố thuận lợi**

- Thông qua mạng lưới quan hệ với các đơn vị trong ngành điện và uy tín trong các công trình đã thực hiện, Công ty đã trúng thầu và nhận thầu nhiều công trình có quy mô lớn, công trình có liên danh, liên kết với các đơn vị bên ngoài.
- Công ty đã tạo được thương hiệu đối với sản phẩm trụ điện bê tông nên đã ký thêm được các hợp đồng với các đối tác mới có giá trị lớn.
- Trong năm 2011, thực hiện chiến lược dài hạn là mở rộng đầu tư và hoạt động sản xuất kinh doanh tăng sức cạnh tranh của Công ty trên thị trường, Công ty đã phát hành thêm cổ phiếu tăng vốn điều lệ từ 12 tỷ đồng lên 18 tỷ đồng. Từ nguồn vốn này, Công ty đã bổ sung thêm vốn lưu động, mua sắm được một số dụng cụ máy móc chuyên dùng

Khó khăn

- Kinh tế trong nước diễn biến khá phức tạp với tốc độ lạm phát tăng cao, chính sách thắt chặt tín dụng và giảm đầu tư công nhằm kiềm chế lạm phát khiến cho các điều kiện vay vốn ngân hàng ngày càng khó khăn.
- Với quy mô vốn tương đối thấp, đặc thù hoạt động xây lắp có nhu cầu vốn lưu động tương đối lớn cùng với nhu cầu vốn dài hạn để đầu tư tài sản cố định khá cao, Công ty phụ thuộc nhiều vào nguồn vốn vay ngân hàng với lãi suất tăng từ 15% năm 2010 lên tới 25% năm 2011 khiến cho mặc dù hoạt động sản xuất kinh doanh vẫn rất ổn định trong điều kiện thị trường khó khăn nhưng lợi nhuận hoạt động kinh doanh của năm 2011 còn lại khá thấp khoảng 202 triệu đồng.
- Nhiều công trình vướng mắc trong công tác đền bù giải phóng mặt bằng, vướng mắc về công tác cắt điện để thi công làm ảnh hưởng đến tiến độ công trình, tăng chi phí chung nên lợi nhuận giảm.
- Năm 2011 là năm thị trường chứng khoán khá ảm đạm, nhiều cổ phiếu giảm giá dưới mệnh giá trong đó Cổ phiếu Công ty Cổ phần Thủy điện Sông Ba mà Công ty đã đầu tư giảm giá



chỉ còn khoảng 40% mệnh giá, Công ty chưa thực hiện được phương án bán cổ phiếu vào thời điểm thích hợp để bảo toàn vốn nên đã phải trích lập dự phòng giảm giá chứng khoán khá lớn.

8. Vị thế của Công ty so với các doanh nghiệp khác trong cùng ngành

8.1. Vị thế của Công ty trong ngành

Qua nhiều năm xây dựng và phát triển, Công ty Cổ phần Xây dựng Điện VNECO 8 đã tích lũy được nhiều kinh nghiệm trong công tác thi công xây dựng công trình điện, công nghiệp và dân dụng. Công ty được các ngành chức năng đánh giá tốt về chất lượng thi công công trình, cung cấp dịch vụ, sản xuất sản phẩm. Các sản phẩm do Công ty cung cấp luôn đạt được yêu cầu chất lượng của khách hàng và luôn giữ được uy tín với khách hàng.

Tuy nhiên do xu thế xã hội hóa thị trường xây dựng điện, hoạt động xây lắp điện không còn là ngành kinh doanh độc quyền của ngành điện nên sự cạnh tranh trong ngành ngày càng gay gắt.

Đối với ngành xây lắp điện, Công ty nhận định khối lượng các dự án phát triển điện và đường dây sẽ triển khai trong giai đoạn 2011 - 2015 là rất lớn tuy nhiên hiện nay chỉ có một số đơn vị chuyên ngành mới đáp ứng được năng lực thi công. VNECO 8 cùng với 18 đơn vị thi công chuyên ngành khác trong Tổ hợp Tổng Công ty Cổ phần Xây dựng Điện Việt Nam chiếm khoảng 35% - 40% thị phần. Một số đơn vị là đối thủ cạnh tranh trực tiếp trong hoạt động này có thể kể đến là Công ty Cổ phần Xây lắp điện 1, Công ty Cổ phần Lắp máy và Xây dựng điện, Công ty TNHH MTV Xây lắp điện 2, Công ty TNHH MTV xây lắp điện 4, Công ty Cổ phần Năng lượng, Công ty Sông Đà 11 và các Công ty con trong tổ hợp Tổng Công ty cổ phần xây dựng điện Việt Nam.

Đối với ngành nghề sản xuất công nghiệp, đối thủ cạnh tranh của Công ty là Công ty Cổ phần Công trình Việt Nguyên, Công ty Cổ phần Bê tông Ly tâm Nha Trang, Công ty Cổ phần Cơ khí và Xây lắp Lâm Đồng ...

Là một thành viên trong Tổng Công ty cổ phần xây dựng điện Việt Nam được cổ phần hóa. VNECO 8 có ưu thế nhiều ưu thế về đội ngũ cán bộ, kinh nghiệm cũng như nhận được sự hỗ trợ về mọi mặt từ phía công ty mẹ. Thêm vào đó, tại địa bàn khu vực Tây Nguyên, Công ty có nhiều ưu thế hơn so với các doanh nghiệp về sự am hiểu địa bàn và mối quan hệ với các đơn vị cơ sở. Tuy nhiên, Công ty còn ở quy mô tương đối nhỏ. Do đó, việc huy động vốn là một yếu tố rất trọng trong việc nâng cao năng lực cạnh tranh, thúc đẩy sự tăng trưởng của Công ty trong thời gian tới.

8.2. Triển vọng phát triển của ngành

Ngành điện được coi là ngành có khả năng phát triển mạnh mẽ trong nền kinh tế Việt Nam trong thời gian tới khi nhu cầu điện năng phục vụ cho công nghiệp hóa hiện đại hóa đất nước ngày càng trở nên cấp thiết. Sự phát triển của ngành điện gắn liền với chiến lược phát triển kinh tế xã hội của đất nước và theo Phê duyệt Quy hoạch phát triển điện lực quốc gia giai đoạn 2011 – 2020 có xét đến năm 2030 (gọi tắt là Quy hoạch điện VII) tiềm năng phát triển ngành điện là rất lớn, đặc biệt là khu vực Nam Trung Bộ.

Dự báo phụ tải

Đáp ứng nhu cầu phát triển kinh tế - xã hội của cả nước với mức tăng GDP khoảng 7,0% - 7,5%/năm giai đoạn 2011 - 2015 và cao hơn, dự báo nhu cầu điện nước ta tăng ở mức 17% năm (phương án cơ sở), 20% năm (phương án cao) trong giai đoạn 2006 - 2015, trong đó xác định phương án cao là phương án điều hành, chuẩn bị phương án 22% năm cho trường hợp tăng trưởng đột biến.

Về quy hoạch phát triển lưới điện

- Quy hoạch phát triển lưới điện siêu cao áp:



Điện áp 500kV là cấp điện áp truyền tải siêu cao áp chủ yếu của Việt Nam; Nghiên cứu khả năng xây dựng cấp điện áp 750kV, 1000kV hoặc truyền tải bằng điện một chiều giai đoạn sau năm 2020; Lưới điện 500kV được sử dụng để truyền tải công suất từ Trung tâm điện lực, các nhà máy điện lớn đến các trung tâm phụ tải lớn trong từng khu vực và thực hiện nhiệm vụ trao đổi điện năng giữa các vùng, miền để bảo đảm vận hành tối ưu hệ thống điện.

- Quy hoạch phát triển lưới điện truyền tải 220kV:

Các trạm biến áp xây dựng với quy mô từ 2 đến 3 máy biến áp, xem xét phát triển trạm có 4 máy biến áp và trạm biến áp GIS, trạm biến áp ngầm tại các thành phố lớn. Các đường dây xây dựng mới tối thiểu là mạch kép, đường dây từ các nguồn điện lớn, các trạm biến áp 500/220kV thiết kế tối thiểu mạch kép sử dụng dây dẫn phân pha

Bảng 12: Khối lượng lưới điện truyền tải dự kiến xây dựng theo từng giai đoạn

Hạng mục	Đơn vị	2011-2015	2016-2020	2021-2025	2026-2030
Trạm 500kV	MVA	17.100	26.750	24.400	20.400
Trạm 220kV	MVA	35.863	39.063	42.775	53.250
ĐZ 500kV	Km	3.833	4.539	2.234	2.724
ĐZ 220kV	Km	10.637	5.305	5.552	5.020

Nguồn: Quy hoạch điện VII

- Quy hoạch phát triển lưới điện 110kV và lưới điện cấp điện cho khu vực nông thôn miền núi và hải đảo:

Đầu tư phát triển lưới điện 110kV và lưới điện phân phối đồng bộ với lưới điện truyền tải nhằm nâng cao độ tin cậy cung cấp điện đáp ứng các tiêu chuẩn chất lượng quy định tại quy định lưới điện phân phối (Giai đoạn 2011 – 2030 sẽ xây dựng hàng ngàn trạm biến áp 110kV và hàng chục ngàn Km đường dây 110kV).

Đầu tư mới bằng lưới điện quốc gia hoặc nguồn điện tại chỗ (thủy điện nhỏ, cực nhỏ; pin mặt trời, gió kết hợp với nguồn điện diesel) để cấp điện cho khu vực nông thôn; đến năm 2015 có 100% số xã và 98,6% số hộ nông thôn có điện; đến năm 2020 hầu hết số hộ dân nông thôn có điện. Giai đoạn 2011 - 2015, đầu tư mở rộng lưới điện quốc gia cung cấp cho 500 nghìn hộ dân nông thôn; cấp điện từ nguồn năng lượng tái tạo cho khoảng 377 nghìn hộ dân nông thôn. Giai đoạn 2016 - 2020, đầu tư cấp điện mới từ lưới điện quốc gia cho 200 nghìn hộ dân nông thôn; cấp điện từ nguồn năng lượng tái tạo cho khoảng 231 nghìn hộ dân nông thôn.

Tổng nhu cầu vốn đầu tư:

Tổng vốn đầu tư cho toàn ngành điện đến năm 2020 khoảng 929,7 nghìn tỷ đồng (tương đương 48,8 tỷ USD, trung bình mỗi năm cần khoảng 4,88 tỷ USD). Giai đoạn 2021 - 2030, ước tính tổng đầu tư khoảng 1.429,3 nghìn tỷ đồng (tương đương với 75 tỷ USD). Trong cả giai đoạn 2011 - 2030, nhu cầu đầu tư khoảng 2.359 nghìn tỷ đồng (tương đương 123,8 tỷ USD). Trong đó:

- Đầu tư vào nguồn điện: Giai đoạn 2011 - 2020 là 619,3 nghìn tỷ đồng, chiếm 66,6% tổng vốn đầu tư; giai đoạn 2021 - 2030 là 935,3 nghìn tỷ đồng, chiếm 65,5%.

- Đầu tư vào lưới điện: Giai đoạn 2011 - 2020 là 210,4 nghìn tỷ đồng, chiếm 33,4% tổng vốn đầu tư; giai đoạn 2021 - 2030 là 494,0 nghìn tỷ đồng, chiếm 34,5%.

Nhu cầu điện khu vực các tỉnh Tây Nguyên:

Hiện nay, khu vực các tỉnh Tây Nguyên cần 6.163 tỷ đồng để đầu tư cấp điện cho 3.998 thôn buôn chưa có điện. Ngày 28/11/2011 Bộ Công Thương có văn bản số 10885/BCT-TCNL gửi UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung Ương và Tập đoàn điện lực Việt Nam (EVN) yêu cầu EVN chỉ đạo



các Tổng công ty điện lực miền phối hợp với UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc TW lập đề án tổng thể “cấp điện các thôn, buôn chưa có điện” giai đoạn 2011-2020 theo địa bàn được giao phụ trách. Theo đó, đối với khu vực Tây Nguyên cần phải đầu tư cấp điện với số liệu cụ thể như sau:

Bảng 13: Tổng vốn đầu tư cho ngành điện khu vực Tây Nguyên

Tỉnh	Số thôn buôn	Số hộ	Vốn đầu tư (Tỷ đồng)	Suất đầu tư (Triệu đồng/hộ)
Gia Lai	1.404	95.969	2.044	21,3
Kon Tum	604	46.089	1.145	24,85
Đắk Lắk	1.508	74.870	1.588	21,22
Đắk Nông	482	38.423	1.384	36,04
Tổng cộng	3.998	255.351	6.163	24,14

8.3. Đánh giá về sự phù hợp định hướng phát triển của Công ty với định hướng của ngành, chính sách của Nhà nước và xu thế chung của thế giới.

Căn cứ vào dự báo tình hình kinh tế trong nước và quốc tế, chiến lược phát triển của ngành điện, hoạt động xây dựng điện và cung cấp dịch vụ phục vụ hoạt động xây dựng điện của Công ty là phù hợp với định hướng của Nhà nước, kế hoạch phát triển của Ngành. Các dự án, công trình điện năng luôn nhận được sự chỉ đạo sát sao của Nhà nước. Với năng lực hiện có, Công ty hoàn toàn có khả năng trúng thầu những công trình lớn, góp phần gia tăng doanh thu và lợi nhuận trong thời gian tới. Bên cạnh đó, do là một ngành thi công đặc thù, trong quá trình hoạt động, Công ty luôn nhận được sự hỗ trợ từ phía lãnh đạo trong và ngoài tỉnh như hỗ trợ trong công tác giải phóng mặt bằng... Vì vậy, Công ty cũng gặp nhiều thuận lợi hơn so với các doanh nghiệp hoạt động trong lĩnh vực xây dựng khác.

Công ty phấn đấu trở thành một tổ chức sản xuất kinh doanh đa ngành với các lĩnh vực chủ yếu: Xây dựng điện, công nghiệp và dân dụng; xuất nhập khẩu vật tư, thiết bị điện, phương tiện vận tải, kinh doanh dịch vụ vụ lịch nhằm gia tăng lợi nhuận và phân tán rủi ro hoạt động. Định hướng này là hoàn toàn phù hợp trong bối cảnh hoạt động xây lắp điện ngày càng được xã hội hóa, cạnh tranh gay gắt. Phát huy những lợi thế vốn có, ban lãnh đạo Công ty vẫn luôn chú trọng chỉ đạo tập thể CBCNV đoàn kết, phát huy mọi năng lực hiện có cũng như tinh thần chủ động sáng tạo nhằm củng cố và không ngừng lớn mạnh trong điều kiện cạnh tranh trên thị trường ngày càng khốc liệt. Với truyền thống đoàn kết, Công ty Cổ phần Xây dựng điện VNECO 8 đã gặt hái được những thành công trong thời gian qua và sẽ tiếp tục lớn mạnh trong thời gian tới.

9. Chính sách đối với người lao động

9.1. Số lượng và cơ cấu lao động trong Công ty

Tính đến thời điểm 21/05/2012, tổng số lao động của Công ty là 160 người.

Bảng 14: Cơ cấu lao động của Công ty tại ngày 31/12/2011 và ngày 21/05/2012

Tiêu chí	31/12/2011			21/05/2012		
	Nam	Nữ	Tỷ lệ (%)	Nam	Nữ	Tỷ lệ (%)
Phân theo trình độ học vấn	147	16	100%	144	16	100%
Đại học và trên đại học	8	4	7%	8	4	8%
Cao đẳng	3	1	2%	3	1	3%
Trung cấp	10	3	8%	10	3	8%
Công nhân kỹ thuật	48	0	29%	44	0	28%
Lao động phổ thông	78	8	53%	79	8	54%

Nguồn: Công ty Cổ phần Xây dựng Điện Vneco 8

9.2. Chính sách đối với người lao động

Do đặc thù hoạt động sản xuất kinh doanh là xây lắp các công trình điện, cần nhiều lực lượng lao động phổ thông tại chỗ, Công ty thường xuyên tuyển dụng và duy trì số lượng lao động phổ thông lớn. Đối với lực lượng lao động này, Công ty thường xuyên tổ chức các khóa đào tạo kỹ thuật ngắn ngày (kỹ thuật thi công, kỹ thuật an toàn, nội quy lao động,...) cho công nhân để đảm bảo công trình hoàn thành đạt chất lượng theo đúng thiết kế.

Chế độ làm việc

Công ty duy trì chế độ làm việc 5,5 ngày/tuần và thời gian làm việc với các bộ phận duy trì như sau:

- Đối với ca hành chính như sau: Sáng từ 7 giờ đến 11 giờ 30 phút, chiều từ 13 giờ đến 16 giờ 30 phút.
- Đối với người lao động làm việc trên các công trình xây dựng, làm việc tại chi nhánh do tính chất công việc cần thi công liên tục thì làm thông tầm (8 giờ liên tục) và đảm bảo nghỉ giữa ca 30 phút.
- Đối với người lao động tại những đội xây lắp làm công việc nặng nhọc, nguy hiểm (theo quyết định số 1629/LĐTBXH ngày 26 tháng 12 năm 1996 về việc ban hành tạm thời danh mục nghề công việc nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm và đặc biệt nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm của Bộ trưởng Bộ lao động thương binh và xã hội), thời gian làm việc được rút 1 giờ trong 1 ngày.

Chế độ nghỉ phép, nghỉ ốm

Người lao động thực hiện HĐLĐ có xác định thời hạn và không xác định, hợp đồng theo mùa vụ, có 12 tháng làm việc trở lên tại đơn vị thì được nghỉ phép hàng năm hưởng nguyên lương theo quy định sau đây:

- 12 ngày đối với người lao động làm việc trong điều kiện bình thường.
- 14 ngày đối với người lao động làm công việc nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm hoặc những điều kiện khắc nghiệt.
- Người lao động đi phép tùy theo quãng đường được tính từ 1-4 ngày đi đường (chỉ được tính 1 lần trong năm).
- Số ngày nghỉ hàng năm được tăng thêm theo thâm niên làm việc tại Công ty, Cứ 5 năm được nghỉ thêm 1 ngày.
- Khi nghỉ phép hàng năm, người lao động được ứng trước một khoản tiền ít nhất bằng tiền lương của những ngày nghỉ phép.

Chế độ làm thêm giờ

Người sử dụng lao động và người lao động có thể thỏa thuận làm thêm giờ, nhưng không quá 4 giờ trong 1 ngày, 200 giờ trong 1 năm.

Người lao động làm thêm giờ được trả lương theo đơn giá tiền lương hoặc tiền lương của công việc đang làm như sau:

- Bằng 150% vào ngày thường.
- Bằng 200% vào ngày nghỉ hàng tuần.
- Bằng 300% vào ngày lễ, ngày nghỉ có hưởng lương

Chính sách tuyển dụng, đào tạo

Áp dụng đúng quy chế tuyển dụng của Công ty, phòng Tổng Hợp là bộ phận phụ trách.

Chính sách lương, thưởng, phúc lợi

Công ty xây dựng và thực hiện chính sách tiền lương phù hợp với đặc thù của ngành nghề kinh doanh và bảo đảm cho người lao động được hưởng đầy đủ các chế độ theo quy định của Nhà nước.



- Đối với bộ phận hỗ trợ, việc trả lương được căn cứ vào trình độ, năng lực, gắn với hiệu quả công việc của cán bộ công nhân viên.
- Đối với bộ phận lao động trực tiếp, việc trả lương căn cứ vào kết quả sản phẩm giao khoán.
- Đối với cán bộ, nhân viên có trình độ đại học, cao đẳng, trung cấp thực hiện nâng bậc lương theo chế độ hiện hành của nhà nước.
- Đối với công nhân kỹ thuật, Công ty tổ chức thi nâng bậc hàng năm theo quy định của Nhà nước
- Ngoài ra, Công ty có chính sách đãi ngộ xứng đáng để khuyến khích động viên nhân viên giỏi và thu hút lao động có trình độ, năng lực từ các nơi khác về làm việc cho Công ty.

Mức thu nhập bình quân của người lao động trong 2 năm gần nhất như sau:

- Năm 2010: 3.196.000 đồng/người/tháng.
- Năm 2011: 3.557.000 đồng/người/tháng.

Hàng năm, Công ty trích lập quỹ khen thưởng theo quy định để thực hiện chế độ khen thưởng định kỳ hoặc đột xuất. Tuỳ theo từng đợt phát động thi đua hoàn thành mục tiêu, tiến độ các công trình thi công hoặc thưởng các sáng kiến cải tiến kỹ thuật. Ngoài ra, các ngày lễ, tết Công ty đều thưởng cho tất cả người lao động, thường bình xét cuối năm cho những người đã có đóng góp tích cực đem lại hiệu quả kinh tế cho Công ty.

Chế độ thai sản, con nhỏ

Người lao động nữ được nghỉ trước và sau khi sinh con: 4 tháng. Hết thời gian nghỉ thai sản theo chế độ, nghỉ phép và cả trong trường hợp được phép nghỉ thêm không hưởng lương, khi trở lại làm việc, người lao động nữ vẫn được bảo đảm chỗ làm việc.

Trong thời gian nghỉ thai sản, người lao động nữ đã đóng BHXH được trợ cấp BHXH bằng 100% tiền lương và được trợ cấp thêm 1 tháng lương.

Trong thời gian nuôi con dưới 12 tháng tuổi, lao động nữ được nghỉ mỗi ngày 60 phút trong thời gian làm việc mà vẫn hưởng đủ lương.

10. Chính sách cổ tức

Cổ tức của Công ty được phân chia từ nguồn lợi nhuận sau thuế, sau khi trích lập các quỹ theo quy định của Điều lệ Công ty. Việc chi trả cổ tức cho cổ đông hàng năm được thực hiện sau khi đã được thông qua đại hội cổ đông thường niên quyết định mức chi trả.

Bảng 15: Chính sách chi trả cổ tức qua các năm

TT	Chỉ tiêu	Cổ tức năm 2010	Cổ tức năm 2011	Cổ tức dự kiến năm 2012
1	Bằng tiền	11,27%	0%	9%

Năm 2011, hoạt động kinh doanh của Công ty gặp khó khăn, lợi nhuận sau thuế đạt 143 triệu đồng, Công ty không thực hiện chia cổ tức.

11. Tình hình hoạt động tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm. Báo cáo tài chính của Công ty được lập và trình bày phù hợp với các chuẩn mực kế toán của Việt Nam.

11.1. Các chỉ tiêu tài chính cơ bản:

Trích khấu hao tài sản cố định

Phương pháp khấu hao



Công ty áp dụng trích khấu hao tài sản cố định theo phương pháp đường thẳng xác định trên cơ sở thời gian hữu dụng ước tính của tài sản và phù hợp với hướng dẫn theo Quyết định số 203/2009/QĐ/BTC ngày 20/10/2009 của Bộ Tài Chính về ban hành chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao TSCĐ.

Thời gian khấu hao được ước tính như sau:

Nhà cửa – Vật kiến trúc	: 08 – 16 năm
Máy móc, thiết bị	: 06 - 09 năm
Phương tiện vận tải	: 07 - 08 năm
Thiết bị văn phòng	: 06 - 08 năm

Các khoản đầu tư tài chính dài hạn

Đơn vị tính: đồng

TT	Khoản mục	31/12/2010	31/12/2011	30/06/2012
1	Đầu tư cổ phiếu dự án thủy điện Krong H'Năng do Công ty Cổ phần Sông Ba làm chủ đầu tư	2.500.000.000	2.500.000.000	2.200.000.000
2	Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn	(500.000.000)	(1.550.000.000)	(1.034.000.000)
	Tổng	2.000.000.000	950.000.000	1.166.000.000

Công ty đầu tư 250.000 cổ phiếu (chiếm 0,5% vốn điều lệ) dự án thủy điện Krong H'Năng do Công ty Cổ phần Sông Ba làm chủ đầu tư (mã chứng khoán SBA – niêm yết HSX) với giá gốc 10.000 đồng/cổ phiếu. Tại ngày 31/12/2011, giá cổ phiếu giảm xuống còn 3.800 đồng/cổ phiếu, do đó Công ty phải trích lập bổ sung dự phòng hơn 1 tỷ đồng. Tuy nhiên, từ cuối năm 2011 đến nay, giá cổ phiếu SBA có xu hướng tăng và đạt mức giá 5.400 đồng/cổ phiếu vào ngày 06/07/2012, tăng giá 42% so với cuối năm 2011. Với mức giá này, Công ty có thể hoàn nhập dự phòng hơn 500 triệu đồng, Công ty kỳ vọng giá cổ phiếu SBA tăng nhiều hơn nữa vào thời điểm cuối năm 2012, Công ty có thể hoàn nhập dự phòng khoảng 1 tỷ đồng.

Sang năm 2012, Công ty đã bán 30.000 cổ phiếu SBA với giá bán lần lượt là 7.500, 5.800 và 5.200 đồng/cổ phiếu. Giá đóng cửa cổ phiếu SBA ngày 29/06/2012 là 5.300 đồng/cổ phần, do đó mức dự phòng cho 220.000 cổ phần SBA là 1.034.000.000 đồng, hoàn nhập dự phòng 516 triệu đồng.

Thanh toán các khoản nợ đến hạn

Hiện Công ty không có các khoản nợ quá hạn. Đối với các khoản phải trả khác, Công ty luôn thanh toán đúng hạn, nhằm giữ vững hình ảnh, xây dựng uy tín Công ty.

Các khoản phải nộp theo luật định

Công ty luôn thanh toán đầy đủ các khoản thuế phải nộp vào Ngân sách nhà nước.

Trích lập các quỹ theo luật định

Theo Điều lệ của Công ty, hàng năm, lợi nhuận của Công ty sau khi nộp thuế cho Nhà nước theo quy định sẽ được dùng để trích lập các quỹ và chi trả cổ tức cho các cổ đông theo quyết định của HĐQT và Đại hội đồng cổ đông. Mức trích lập các quỹ và mức chi trả cổ tức do HĐQT đề xuất và phải được Đại hội đồng cổ đông chấp thuận.

Bảng 16: Số dư các quỹ tại thời điểm 31/12/2010, 31/12/2011, 30/06/2012

Đơn vị: đồng

TT	Nội dung	31/12/2010	31/12/2011	30/06/2012
1	Quỹ đầu tư phát triển	592.745.950	123.545.949	212.102.202



TT	Nội dung	31/12/2010	31/12/2011	30/06/2012
2	Quỹ dự phòng tài chính	125.250.345	125.250.345	132.436.417
3	Quỹ khen thưởng, phúc lợi	30.470.291	(30.054.976)	(17.992.170)
	Tổng cộng	748.466.586	218.741.318	326.546.449

Nguồn: Báo cáo tài chính kiểm toán năm 2010, 2011 và Báo cáo tài chính Quý 2/2012 - Vneco 8
 - Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2012 được ban hành ngày 22/04/2012 do đó báo cáo tài chính kiểm toán năm 2011 của Công ty chưa phản ánh số liệu trích lập các quỹ của năm 2011.

- Phần Quỹ khen thưởng phúc lợi tại thời điểm 31/12/2011, 30/06/2012 bị âm do thực tế trong năm 2011 công ty tạm trích quỹ từ lợi nhuận sau thuế nhưng kết quả thực tế được ĐHCĐ thông qua thấp hơn số tạm trích và thực chi. Công ty dự kiến trong năm 2012 sẽ trích lập và bù đắp đủ số dư âm của quỹ này.

- Tại BCTC kiểm toán năm 2011, Công ty có khoản giảm quỹ đầu tư phát triển trị giá 469.200.001 đồng được sử dụng để chi mua sắm dụng cụ thi công theo Nghị quyết ĐHCĐ thường niên năm 2011 (khoản 2 Điều 3 Nghị quyết số 07NQ/VNECO8- ĐHCĐ ngày 27/02/2011) và đã được cụ thể hóa các khoản chi tại Biên bản HĐQT số 07/BB2011-HĐQT ngày 7/11/2011.

Tổng dư nợ vay

Bảng 17: Vay và nợ ngắn hạn của Công ty

Đơn vị tính: đồng

TT	Ngân hàng	31/12/2010	31/12/2011	30/06/2012
1	Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam – Chi nhánh Đắk Lắk	5.300.000.000	7.312.000.000	6.364.000.000
2	Ngân hàng TMCP Quốc tế Việt Nam – Chi nhánh Đắk Lắk	3.100.000.000	1.650.000.000	1.046.010.519
3	Vay ngắn hạn cá nhân	720.000.000	930.000.000	1.344.000.000
	Tổng cộng	9.120.000.000	9.892.000.000	8.754.010.519

Nguồn: Báo cáo tài chính kiểm toán 2010, 2011 và BCTC Quý 2/2012 của Vneco8

Các hợp đồng vay với Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam còn số dư đến 30/06/2012

- Hợp đồng số 01/2012/HĐTD ngày 18/01/2012 số tiền vay 600 triệu đồng nhằm bổ sung vốn lưu động thi công gói thầu 12 (Xây dựng và lắp đặt thiết bị đường dây đoạn 2 thuộc Công trình đường dây 110KV Bình Minh – Cầu Kè). Thời hạn vay 6 tháng, lãi suất vay 17%/năm. Gốc trả 1 lần khi đáo hạn ngày 19/07/2012, lãi trả hàng tháng.
- Hợp đồng tín dụng số 02/2012/HĐTD ngày 07/03/2012 số tiền vay 280 triệu đồng nhằm bổ sung vốn lưu động xây dựng và lắp đặt Xây dựng và lắp đặt thiết bị đường dây đoạn 2 thuộc Công trình đường dây 110KV Bình Minh – Cầu Kè. Thời hạn vay 8 tháng, lãi suất vay 17,5%/năm. Gốc trả 1 lần khi đáo hạn ngày 07/11/2012, lãi trả hàng tháng.
- Hợp đồng số 12/2011/HĐTD ngày 23/12/2011 số tiền vay 400 triệu đồng nhằm bổ sung vốn lưu động thi công gói thầu số 12 - Xây dựng và lắp đặt Xây dựng và lắp đặt thiết bị đường dây đoạn 2 thuộc Công trình đường dây 110KV Bình Minh – Cầu Kè. Thời hạn vay 6 tháng, lãi suất 17%/năm. Gốc trả 1 lần khi đáo hạn, lãi trả hàng tháng
- Hợp đồng số 11/2011/HĐTD ngày 19/12/2011, số tiền vay 412 triệu đồng nhằm bổ sung vốn lưu động thi công gói thầu số 12 - Xây dựng và lắp đặt Xây dựng và lắp đặt thiết bị đường dây đoạn 2 thuộc Công trình đường dây 110KV Bình Minh – Cầu Kè. Thời hạn vay 6 tháng, lãi suất vay 17%/năm. Gốc trả 1 lần khi đến hạn, lãi trả hàng tháng
- Hợp đồng số 10/2011/HĐTD ngày 09/11/2011, số tiền vay 1.400 triệu đồng nhằm bổ sung vốn lưu động thi công gói thầu số 12 - Xây dựng và lắp đặt Xây dựng và lắp đặt thiết bị



- đường dây đoạn 2 thuộc Công trình đường dây 110KV Bình Minh – Cầu Kè. Thời hạn vay 6 tháng, lãi suất 17%/năm. Gốc trả 1 lần khi đến hạn, lãi trả hàng tháng
- Hợp đồng số 06/2011/HĐTD ngày 01/08/2011, số tiền vay 1.500 triệu đồng nhằm bổ sung vốn lưu động thi công xây lắp đường dây (gói thầu số 7) Công trình đường dây 500KV Phú Mỹ - Sông Mây, xây lắp đường dây (gói thầu số 5 – Lô 5.2) công trình đường dây 500KV Vĩnh Tân – Sông Mây, xây lắp đường dây (gói thầu số 5 – Lô 5.3) Công trình đường dây Sơn La – Hiệp Hòa. Thời hạn vay 9 tháng đến ngày 01/05/2012, lãi suất vay 20%/năm. Gốc trả 1 lần khi đến hạn, lãi trả 3 tháng/ lần.
 - Hợp đồng số 03/2011/HĐTD ngày 10/06/2011, số tiền vay 800 triệu đồng nhằm bổ sung vốn lưu động thi công gói thầu số 12 - Xây dựng và lắp đặt Xây dựng và lắp đặt thiết bị đường dây đoạn 2 thuộc Công trình đường dây 110KV Bình Minh – Cầu Kè. Thời hạn ân hạn 2 tháng, thời gian vay 9 tháng trả gốc là ngày 20/05/2012. Lãi suất 20%/năm
 - Hợp đồng số 07/2011 ngày 01/09/2011, số dư 1,200 triệu đồng nhằm bổ sung vốn lưu động thi công công trình cải tạo nâng cấp đường dây 110KV Cao Lãnh 2 – Mỹ Thuận. Thời hạn vay 11 tháng, ngày trả gốc 01/08/2012, Lãi suất 20%/năm trả hàng tháng
 - Hợp đồng số 08/2011 ngày 09/09/2011, số dư 500 triệu đồng nhằm bổ sung vốn lưu động thi công công trình cải tạo nâng cấp đường dây 110KV Cao Lãnh 2 – Mỹ Thuận. Thời hạn vay 7 tháng đến 09/04/2012. Lãi suất 18%/năm trả hàng tháng.

Các hợp đồng vay với Ngân hàng TMCP Quốc tế Việt Nam còn số dư đến 30/06/2012

- Hợp đồng số 0174/HĐTD – VIB 410/11 ngày 27/10/2011 với hạn mức vay vốn là 2.000 triệu đồng nhằm mục đích bổ sung vốn lưu động. Thời hạn vay không quá 6 tháng, lãi suất vay tại thời điểm giải ngân 21,5%/năm. Gốc trả 1 lần khi đáo hạn, lãi trả hàng tháng
- Hợp đồng số 0101/HĐTD-VIB 410/11 ngày 27/09/2011 với hạn mức vay vốn là 2.000 triệu đồng nhằm mục đích bổ sung vốn ly động sản xuất cột điện bê tông ly tâm. Thời hạn vay không quá 9 tháng, lãi suất tại thời điểm giải ngân. Gốc trả 1 lần khi đáo hạn, lãi trả hàng tháng.

Tài sản đảm bảo cho 2 hợp đồng tín dụng trên là công trình xây dựng trên đất tại lô CN 7-1 Khu công nghiệp Tâm Thắng, huyện Cư Jut, tỉnh Đắk Nông.

Các khoản vay cá nhân bao gồm khoản vay kỳ hạn 1 năm lãi suất từ 14% đến 22%/ năm chủ yếu các khoản vay cán bộ công nhân viên Công ty.

Bảng 18: Vay và nợ dài hạn của Công ty

<i>Đơn vị: đồng</i>					
TT	Ngân hàng	31/12/2010	31/12/2011	30/06/2012	Ghi chú
1	Ngân hàng TMCP Quốc tế Việt Nam – Chi nhánh Đắk Lắk	4.401.189.815	2.758.189.815	2.533.689.815	Hợp đồng vay dài hạn kỳ hạn 58 tháng từ năm 2009-2014

Nguồn: Báo cáo tài chính kiểm toán 2010, 2011 và BCTC Quý 2/2012 của Vneco8

Hợp đồng vay dài hạn số 0035.1 với Ngân hàng TMCP Quốc tế Việt Nam nhằm mục đích đầu tư xây dựng Nhà máy sản xuất trụ điện bê tông ly tâm tại Khu Công nghiệp Tâm Thắng, tỉnh Đắk Nông. Thời hạn vay 6 năm từ ngày 16/01/2008 đến ngày 14/01/2014. Gốc trả 2 lần/ năm vào tháng 1 và tháng 7, lãi trả theo quý.

Các khoản phải thu

Bảng 19: Các khoản phải thu của Công ty

<i>Đơn vị: đồng</i>			
Chỉ tiêu	31/12/2010	31/12/2011	30/06/2012



Phải thu từ khách hàng	11.748.340.711	13.697.775.007	12.778.121.640
Trong đó một số khoản có số dư lớn như:			
<i>Tổng Công ty Cổ phần Xây dựng Điện Việt Nam</i>	6.045.341.489	4.693.817.661	3.328.877.733
<i>Ban QLDA các công trình điện Miền Trung</i>	495.869.249	2.314.424.224	1.378.706.224
<i>XN xây lắp số 5- Công ty TNHH MTV XL điện 4</i>	-	2.313.703.302	1.979.487.668
<i>Công ty TNHH MTV xây lắp điện 1 Miền Nam</i>	1.373.935.641	1.239.743.557	742.744.401
<i>Công ty Lưới điện cao thế Miền Nam</i>	-	985.046.102	937.824.288
<i>Điện lực Đắk Lắk</i>	841.926.800	-	-
<i>Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng Việt Trung</i>	627.560.246	-	16.262.670
<i>Ban QLDA Điện lực miền Nam</i>	-	-	2.817.697.301
Trả trước cho người bán	527.913.129	856.143.886	1.351.290.796
Phải thu khác	316.071.604	240.937.825	153.764.315
Dự phòng phải thu khó đòi	(11.787.731)	(11.787.732)	(11.787.732)
Tổng	12.580.537.713	14.783.068.986	14.271.389.019

Nguồn: Báo cáo tài chính kiểm toán 2010, 2011 và BCTC Quý 2/2012 của Vneco8

Hiện Công ty đang đẩy mạnh hoạt động thu hồi công nợ để tăng vòng quay vốn kinh doanh. Các khoản phải thu hiện đang trong hạn và có khả năng thu hồi. Đối với các khoản phải thu có số dư lớn với Tổng Công ty Cổ phần Xây dựng Điện Việt Nam, định kỳ hàng quý Công ty đều làm biên bản đối chiếu công nợ.

Các khoản phải trả:

Bảng 20: Các khoản phải trả của công ty

Chi tiêu	Đơn vị: đồng		
	31/12/2010	31/12/2011	30/06/2012
Phải trả người bán	1.127.795.706	1.240.455.110	1.200.589.656
Trong đó một số khoản phải trả có số dư lớn:			
<i>Công ty Cổ phần Đầu tư Kinh doanh Vật liệu xây dựng FICO</i>	349.107.115	403.078.562	410.000.000
<i>Công ty TNHH Xây dựng Giao thông Sông Lam</i>	243.720.650	-	-
<i>Doanh nghiệp Tư nhân Đình Phát</i>	204.320.876	97.493.743	47.493.743
<i>Công ty Cổ phần Kỹ Nguyên Mới</i>	102.018.190	-	-
<i>Công ty Bê tông Ly tâm Nha Trang</i>	-	306.129.429	306.129.429
<i>Doanh nghiệp Tư nhân XD&TMDV Khánh Trà</i>	-	186.020.262	175.065.864
<i>Công ty CP XD & TM Đức Thịnh</i>	-	119.000.000	58.000.000
<i>Công ty TNHH MTV Đầu tư - Xây dựng 181</i>	-	-	53.545.120
Người mua trả tiền trước	1.878.712.074	2.240.202.483	996.964.103
Thuế và các khoản phải trả Nhà nước	1.799.713.739	1.152.440.207	932.283.459
Phải trả công nhân viên	2.383.080.010	2.217.473.709	1.534.995.959
Chi phí phải trả	550.961.898	117.802.639	4.223.794.560
Các khoản phải trả khác	4.175.570.516	2.069.027.852	1.479.143.740
Tổng	11.915.833.943	9.037.402.000	10.367.771.477

Nguồn: Báo cáo tài chính kiểm toán 2010, 2011 và BCTC Quý 2/2012 của Vneco8

Hiện tại Công ty không có các khoản phải trả quá hạn nào, các khoản phải trả đều trong hạn và Công ty có khả năng thanh toán.



11.2 Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu

Bảng 21: Các chỉ tiêu tài chính của Công ty

Chỉ tiêu	2010	2011
1. Chỉ tiêu về khả năng thanh toán		
Hệ số thanh toán ngắn hạn (lần)	1,22	1,52
Hệ số thanh toán nhanh (lần)	0,79	1,00
2. Chỉ tiêu về cơ cấu vốn		
Hệ số Nợ/Tổng tài sản (lần)	0,67	0,54
Hệ số nợ/Vốn chủ sở hữu (lần)	2,00	1,18
Nợ ngắn hạn/ Tổng nợ(lần)	0,83	0,87
3. Chỉ tiêu về năng lực hoạt động		
Vòng quay hàng tồn kho (vòng)	2,48	2,47
Doanh thu thuần/ Tổng tài sản (lần)	0,84	0,77
4. Chỉ tiêu về khả năng sinh lời		
- Hệ số lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần (%)	4,95	0,47
- Hệ số lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản (%)	4,17	0,36
- Hệ số lợi nhuận từ HĐKD/Doanh thu thuần (%)	6,74	0,60
- ROE (%)	12,51	0,78

12. Hội đồng Quản trị, Ban Giám đốc, Ban kiểm soát, Kế toán trưởng

Ngô Văn Cường	Chủ tịch HĐQT
Nguyễn Công Diệu	Phó chủ tịch HĐQT kiêm Giám đốc Công ty
Nguyễn Tiến Chữ	Thành viên HĐQT kiêm Phó Giám đốc Công ty
Võ Đức Sơn	Thành viên HĐQT
Nguyễn Tất Ánh	Thành viên HĐQT
Nguyễn Tráng Sỹ	Phụ trách Kế toán
Nguyễn Hữu Đăng	Trưởng ban Kiểm soát
Nguyễn Thị Bích Hương	Thành viên Ban kiểm soát
Nguyễn Thị Hóa	Thành viên Ban kiểm soát

Ngô Văn Cường – Chủ tịch Hội đồng quản trị

Họ và tên:	NGÔ VĂN CƯỜNG
Giới tính:	Nam
Ngày tháng năm sinh:	30/05/1974
Nơi sinh:	Tân Dĩnh, Lạng Giang – Bắc Giang
Số CMTND:	201556492 cấp ngày 07/04/2005 tại CA Đà Nẵng.
Quốc tịch:	Việt Nam
Dân tộc:	Kinh
Quê quán:	Tân Dĩnh, Lạng Giang – Bắc Giang
Địa chỉ thường trú:	Tổ 50, An Khê, Thanh Khê – Đà Nẵng
Số điện thoại liên lạc ở cơ quan:	0913438656
Trình độ văn hóa:	12/12
Trình độ chuyên môn:	Thạc sỹ Hệ thống điện
Quá trình công tác:	



Từ tháng 8/1997 đến tháng 6/ 1999	Nhân viên phòng kỹ thuật Công ty xây lắp điện 3
Từ tháng 6/1999 đến tháng 11/2002	Phó phòng kỹ thuật Công ty xây lắp điện 3
Từ tháng 12/2002 đến tháng 11/2005	Trưởng phòng kỹ thuật Công ty xây lắp điện 3
Từ tháng 12/2005 đến tháng 9/2009	Trưởng phòng kỹ thuật vật tư Tổng công ty Cổ phần Xây dựng Điện Việt Nam
Từ tháng 9/2009 đến nay	Phó tổng giám đốc Tổng công ty Cổ phần Xây dựng Điện Việt Nam
Chức vụ công tác hiện nay:	Chủ tịch HĐQT Công ty cổ phần xây dựng điện VNECO 8
Chức vụ công tác hiện đang nắm giữ tại tổ chức khác:	Phó tổng giám đốc Tổng công ty Cổ phần Xây dựng Điện Việt Nam.
Số cổ phần nắm giữ hiện nay:	- Sở hữu cá nhân 0 cổ phần (chiếm tỷ lệ 0% vốn điều lệ) - Sở hữu đại diện 540.000 cổ phần (chiếm tỷ lệ 30% vốn điều lệ) cho Tổng công ty Cổ phần Xây dựng Điện Việt Nam
Hành vi vi phạm pháp luật	Không
Các khoản nợ đối với công ty	Không
Thù lao và các khoản lợi ích khác	Theo Nghị quyết Đại hội cổ đông
Mâu thuẫn với lợi ích công ty	Không
Cổ phần những người có liên quan đang nắm giữ	Không

Nguyễn Công Diệu – Thành viên Hội đồng quản trị kiêm Giám đốc Công ty

Họ và tên:	NGUYỄN CÔNG DIỆU
Giới tính:	Nam
Ngày tháng năm sinh:	01/01/1975
Nơi sinh:	Triệu Phong. Quảng Trị
Số CMTND:	197011674 cấp ngày 01/03/2005 tại CA Quảng Trị
Quốc tịch:	Việt Nam
Dân tộc:	Kinh
Quê quán:	Thị trấn Ái Tử. Triệu Phong. Quảng Trị
Địa chỉ thường trú:	Thôn 4. Hoà Khánh. thành phố Buon Ma Thuột
Số điện thoại liên lạc ở cơ quan:	05003.858754
Trình độ văn hóa:	12/12
Trình độ chuyên môn:	Kỹ sư kinh tế năng lượng
Quá trình công tác:	
Từ năm 1999 đến năm 2003	Nhân viên phòng kế hoạch kỹ thuật Xí nghiệp xây lắp điện Tây Nguyên
Từ năm 2003 đến tháng 2/2008	Trưởng phòng kinh tế kế hoạch Công ty cổ phần xây dựng điện VNECO 8
Từ năm tháng 2/2008 đến 04/2012	Chủ tịch Hội đồng quản trị kiêm Giám đốc công ty cổ phần xây dựng điện VNECO 8
Chức vụ công tác hiện nay:	Phó chủ tịch HĐQT - Kiêm Giám đốc Công ty cổ phần xây dựng điện VNECO 8
Chức vụ công tác hiện đang nắm giữ tại tổ chức	Không



khác:

Số cổ phần nắm giữ hiện nay: - Sở hữu cá nhân 62.000 cổ phần (chiếm tỷ lệ 3,44%)
- Sở hữu đại diện 466.809 cổ phần (chiếm tỷ lệ 25,93% vốn điều lệ) cho Tổng công ty Cổ phần Xây dựng Điện Việt Nam

Hành vi vi phạm pháp luật Không
Các khoản nợ đối với công ty Không
Thù lao và các khoản lợi ích khác Theo Nghị quyết Đại hội cổ đông
Mâu thuẫn với lợi ích công ty Không
Cổ phần những người có liên quan đang nắm giữ Không

Nguyễn Tiến Chũ - Thành viên Hội đồng quản trị kiêm Phó Giám đốc Công ty

Họ và tên: **NGUYỄN TIẾN CHŨ**
Giới tính: Nam
Ngày tháng năm sinh: 30/08/1960
Nơi sinh: Xã Cẩm Thăng, huyện Cẩm Xuyên - Tỉnh Hà Tĩnh.
Số CMTND: 191805191 ngày 11/09/2008 tại Thừa Thiên Huế
Quốc tịch: Việt Nam
Dân tộc: Kinh
Quê quán: Xã Cẩm Thăng, huyện Cẩm Xuyên - Tỉnh Hà Tĩnh
Địa chỉ thường trú: Xã An Lộc - Huyện Phú Lộc - Thừa Thiên Huế
Số điện thoại liên lạc ở cơ quan: 05003859776
Trình độ văn hóa: 10/10
Trình độ chuyên môn: Trung cấp kỹ thuật điện
Quá trình công tác:
Từ năm 1979 đến năm 1983 Bộ đội, đơn vị C2-D1-E421- F 306
Từ năm 1983 đến năm 1989 Học sinh trường Trung học Kỹ thuật Điện – Hà Nội
Từ năm 1989 đến năm 2007 Phó phòng vật tư Công ty cổ phần xây dựng điện VNECO 8
Từ năm 2007 đến nay Thành viên Hội đồng quản trị kiêm Phó giám đốc Công ty cổ phần xây dựng điện VNECO 8
Chức vụ công tác hiện nay: Thành viên Hội đồng quản trị - Kiêm Phó giám đốc Công ty cổ phần xây dựng điện VNECO 8
Chức vụ công tác hiện đang nắm giữ tại tổ chức khác: Phó tổng giám đốc Tổng công ty Cổ phần Xây dựng Điện Việt Nam.
Số cổ phần nắm giữ hiện nay: Sở hữu cá nhân 10.000 cổ phần (chiếm tỷ lệ 0,56%)
Hành vi vi phạm pháp luật Không
Các khoản nợ đối với công ty Không
Thù lao và các khoản lợi ích khác Theo Nghị quyết Đại hội cổ đông
Mâu thuẫn với lợi ích công ty Không
Số cổ phần những người có liên quan đang nắm giữ Không



giữ

Võ Đức Sơn – Thành viên Hội đồng quản trị

Họ và tên:
Giới tính:
Ngày tháng năm sinh:
Nơi sinh:
Số CMTND:

Quốc tịch:
Dân tộc:
Quê quán:
Địa chỉ thường trú:

Số điện thoại liên lạc ở cơ quan:
Trình độ văn hóa:
Trình độ chuyên môn:
Quá trình công tác:
Từ tháng 12/2001 đến tháng 02/2008

Từ tháng 02/2008 đến năm 2011

Từ năm 2011 đến nay

Chức vụ công tác hiện nay:

Chức vụ công tác hiện đang nắm giữ tại tổ chức khác:

Số cổ phần nắm giữ hiện nay:

Hành vi vi phạm pháp luật

Các khoản nợ đối với công ty

Thù lao và các khoản lợi ích khác

Mâu thuẫn với lợi ích công ty

Cổ phần những người có liên quan đang nắm giữ

Nguyễn Tất Ánh – Thành viên Hội đồng quản trị

Họ và tên:
Giới tính:
Ngày tháng năm sinh:
Nơi sinh:
Số CMTND:
Quốc tịch:
Dân tộc:
Quê quán:
Địa chỉ thường trú:
Số điện thoại liên lạc ở cơ quan:

VÕ ĐỨC SƠN

Nam
06/07/1977
Xã Khuê Ngọc Điền, Huyện Krông Bông, Đắk Lắk
240575114 ngày 14/11/2009 tại CA Tỉnh Đắk Lắk.
Việt Nam
Kinh
Xã Tam Hải, Huyện Núi Thành, Tỉnh Quảng Nam
519/5 Phan Chu Trinh, Phường Tân Lợi,
TP.Buôn Ma Thuột
05003858907
12/12
Cử nhân – Chuyên ngành Tài chính kế toán

Nhân viên phòng Tài chính kế toán Công ty cổ phần xây dựng điện Vneco 8.

Kế toán trưởng Công ty cổ phần xây dựng điện Vneco 8.

Thành viên Hội đồng quản trị Công ty cổ phần xây dựng điện VNECO 8

Thành viên Hội đồng quản trị Công ty cổ phần xây dựng điện VNECO 8

Phó Giám đốc kiêm Kế toán trưởng Công ty Cổ phần Điện Tam Long

Sở hữu cá nhân 24.500 cổ phần (chiếm tỷ lệ 1,36%)

Không

Không

Theo Nghị quyết Đại hội cổ đông

Không

Không

NGUYỄN TẤT ÁNH

Nam
04/04/1965
Thủy Phương – Hương Thủy - Thừa Thiên Huế
240996338 ngày 14/01/2005 tại CA tỉnh Đắk Lắk
Việt Nam
Kinh
Thủy Phương – Hương Thủy - Thừa Thiên Huế
Xã An Lộc - Huyện Phú Lộc - Thừa Thiên Huế
05113732799

Trình độ văn hóa:	12/12
Trình độ chuyên môn:	Trung cấp Thống kê - Kế toán
Quá trình công tác:	
Từ tháng 06/1987 đến 10/1995	Kế toán trưởng Đội xây lắp điện 7 – Công ty xây lắp điện 3.
Từ tháng 11/1995 đến 10/2003	Kế toán trưởng Xí nghiệp xây lắp điện Tây Nguyên – Công ty xây lắp điện 3
Từ tháng 10/2003 đến tháng 3/2008	Kế toán trưởng Công ty Cổ phần Xây dựng điện Vneco 8 - Tổng Công ty Cổ phần Xây dựng Điện Việt Nam
Từ tháng 3/2008 đến 04/2009	Phó Giám đốc Công ty cổ phần xây dựng điện VNECO 8
Từ tháng 04/2009 đến nay	Kế toán trưởng Công ty cổ phần chế tạo kết cấu thép VNECO.SSM
Chức vụ công tác hiện nay:	Thành viên Hội đồng quản trị Công ty cổ phần xây dựng điện VNECO 8.
Chức vụ công tác hiện đang nắm giữ tại tổ chức khác:	Kế toán trưởng Công ty cổ phần chế tạo kết cấu thép VNECO.SSM
Số cổ phần nắm giữ hiện nay:	Sở hữu cá nhân 7.791 cổ phần (chiếm 0,43% vốn điều lệ)
Hành vi vi phạm pháp luật	Không
Các khoản nợ đối với công ty	Không
Thù lao và các khoản lợi ích khác	Theo Nghị quyết Đại hội cổ đông
Mâu thuẫn với lợi ích công ty	Không
Cổ phần những người có liên quan đang nắm giữ	Không có
Nguyễn Tráng Sỹ - Phụ trách kế toán	
Họ và tên:	NGUYỄN TRÁNG SỸ
Giới tính:	Nam
Ngày tháng năm sinh:	03/02/1966
Nơi sinh:	Xã Văn Hóa, huyện Tuyên Hóa, Tỉnh Quảng Bình
Số CMTND:	241314334 ngày 03/12/2008 tại CA Đắk Lắk
Quốc tịch:	Việt Nam
Dân tộc:	Kinh
Quê quán:	Xã Văn Hóa, huyện Tuyên Hóa, Tỉnh Quảng Bình.
Địa chỉ thường trú:	Tổ 1, khối 6, P. Khánh Xuân, Buôn Ma Thuật, Đắk Lắk
Số điện thoại liên lạc ở cơ quan:	05003.858754
Trình độ văn hóa:	12/12
Trình độ chuyên môn:	Cử nhân kinh tế
Quá trình công tác:	
Từ năm 1986 đến năm 1992	Nhân viên đội xây lắp điện 2 Công ty xây lắp đường dây và trạm 5
Từ năm 1992 đến năm 1999	Nhân viên vật tư Tổng đội xây lắp đường dây Công ty xây lắp điện 3
Từ năm 1999 đến năm 2004	Nhân viên kế toán Công ty xây lắp điện 3.8



Từ năm 2004 đến năm 2011	Phó phòng kế toán Công ty cổ phần xây dựng điện Vneco 8
Từ tháng 11/2011 đến nay	Phó phòng phụ trách kế toán Công ty cổ phần xây dựng điện Vneco 8
Chức vụ công tác hiện nay:	Phó phòng phụ trách kế toán Công ty cổ phần xây dựng điện Vneco 8
Chức vụ công tác hiện đang nắm giữ tại tổ chức khác:	Không
Số cổ phần nắm giữ hiện nay:	Sở hữu cá nhân 14.500 cổ phần (chiếm tỷ lệ 0,81%)
Hành vi vi phạm pháp luật	Không
Các khoản nợ đối với công ty	Không
Thù lao và các khoản lợi ích khác	Theo Nghị quyết Đại hội cổ đông
Mâu thuẫn với lợi ích công ty	Không
Cổ phần những người có liên quan đang nắm giữ	Vợ Nguyễn Thị Hiệp Giang sở hữu 1.557 cổ phần (chiếm tỷ lệ 0,09% vốn điều lệ)
Nguyễn Hữu Đăng – Trưởng ban kiểm soát	
Họ và tên:	NGUYỄN HỮU ĐĂNG
Giới tính:	Nam
Ngày tháng năm sinh:	01/11/1972
Nơi sinh:	Đại Hoà, Triệu Đại, Triệu Phong, Quảng Trị
Số CMTND:	191245667 cấp ngày 09/05/2002 tại Quảng Trị
Quốc tịch:	Việt Nam
Dân tộc:	Kinh
Quê quán:	Đại Hoà, Triệu Đại, Triệu Phong, Quảng Trị
Địa chỉ thường trú:	Số 10, Đào Duy Từ, TP Buôn Ma Thuột, Đắk Lắk
Số điện thoại liên lạc ở cơ quan:	05003 859778
Trình độ văn hóa:	12/12
Trình độ chuyên môn:	Cử nhân kinh tế (có chứng chỉ Kế toán trưởng)
Quá trình công tác:	
Từ năm 1999 đến nay	Nhân viên Công ty cổ phần xây dựng điện Vneco 8
Chức vụ công tác hiện nay:	Trưởng Ban kiểm soát, nhân viên phòng Kế hoạch - Kỹ thuật
Chức vụ công tác hiện đang nắm giữ tại tổ chức khác:	Không
Số cổ phần nắm giữ hiện nay:	Sở hữu cá nhân 3.300 cổ phần (chiếm tỷ lệ 0,18%)
Hành vi vi phạm pháp luật	Không
Các khoản nợ đối với công ty	Không
Thù lao và các khoản lợi ích khác	Theo Nghị quyết Đại hội cổ đông
Mâu thuẫn với lợi ích công ty	Không
Cổ phần những người có liên quan đang nắm giữ	- Vợ Nguyễn Thị Dung sở hữu 2.000 cổ phần (chiếm tỷ lệ 0,11 % vốn điều lệ)

Nguyễn Thị Bích Hương - Thành viên Ban kiểm soát



Họ và tên: **NGUYỄN THỊ BÍCH HƯỜNG**
Giới tính: Nữ
Ngày tháng năm sinh: 06/04/1975
Nơi sinh: Xã Xuân Hồng, Huyện Xuân Trường, Nam Định
Số CMTND: 241266712 cấp ngày 05/03/2008 tại Đắk Lắk
Quốc tịch: Việt Nam
Dân tộc: Kinh
Quê quán: Xã Xuân Hồng, Huyện Xuân Trường, Huyện Nam Định
Địa chỉ thường trú: 104/9A Mai Hắc Đế, Phường Tân Thành, Buôn Ma Thuột
Số điện thoại liên lạc ở cơ quan: 05003 858907
Trình độ văn hóa: 12/12
Trình độ chuyên môn: Cử nhân Ngoại ngữ
Quá trình công tác:
Từ năm 1999 đến năm 2001 Nhân viên Phòng điều hành du lịch Công ty cổ phần thương mại du lịch và dịch vụ Ban Mê
Từ năm 2001 đến năm 2003 Nhân viên Phòng điều hành du lịch Công ty TNHH thương mại du lịch và dịch vụ Cao nguyên
Từ năm 2003 đến tháng 2/2007 Nhân viên Phòng tổng hợp Công ty cổ phần xây dựng điện Vneco 8
Từ tháng 2/2007 đến nay Phó phòng Tổng hợp Công ty Cổ phần Xây dựng Điện Vneco 8
Chức vụ công tác hiện nay: Thành viên Ban kiểm soát, Phó Phòng tổng hợp Công ty Cổ phần Xây dựng Điện Vneco 8
Chức vụ công tác hiện đang nắm giữ tại tổ chức khác: Không
Số cổ phần nắm giữ hiện nay: Sở hữu cá nhân 4.000 cổ phần (chiếm tỷ lệ 0,22%)
Hành vi vi phạm pháp luật Không
Các khoản nợ đối với công ty Không
Thù lao và các khoản lợi ích khác Theo Nghị quyết Đại hội cổ đông
Mâu thuẫn với lợi ích công ty Không
Cổ phần những người có liên quan đang nắm giữ Không

Nguyễn Thị Hóa – Thành viên Ban Kiểm soát

Họ và tên: **NGUYỄN THỊ HOÁ**
Giới tính: Nữ
Ngày tháng năm sinh: 16/08/1974
Nơi sinh: Xã Triệu Phước, Huyện Triệu Phong, Quảng Trị
Số CMTND: 241425909 cấp ngày 27/08/2010 tại Đắk Lắk
Quốc tịch: Việt Nam
Dân tộc: Kinh
Quê quán: Xã Triệu Phước, Huyện Triệu Phong, Tỉnh Quảng Trị
Địa chỉ thường trú: Số 05 Phan Huy Chú, P.Khánh Xuân, TP.Buôn Ma Thuột, Đắk Lắk

Số điện thoại liên lạc ở cơ quan:	0902 462980
Trình độ văn hóa:	12/12
Trình độ chuyên môn:	Kỹ sư Nông lâm (Đã có bằng Trung cấp Kế toán)
Quá trình công tác:	
Từ năm 11/2000 đến nay	Công tác tại Phòng kế hoạch - Kỹ thuật Công ty cổ phần xây dựng điện Vneco 8
Chức vụ công tác hiện nay:	Thành viên ban kiểm soát, Tổ trưởng tổ kế hoạch Công ty cổ phần xây dựng điện Vneco 8
Chức vụ công tác hiện đang nắm giữ tại tổ chức khác:	Không
Số cổ phần nắm giữ hiện nay:	Sở hữu cá nhân 0 cổ phần (chiếm tỷ lệ 0% vốn điều lệ)
Hành vi vi phạm pháp luật	Không
Các khoản nợ đối với công ty	Không
Thù lao và các khoản lợi ích khác	Theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông
Mâu thuẫn với lợi ích công ty	Không
Cổ phần những người có liên quan đang nắm giữ	Em trai Nguyễn Ngọc Lượng 775 cổ phần (chiếm 0,04% vốn điều lệ) Chồng Hoàng Hữu Lộc 6.000 cổ phần (chiếm 0,33% vốn điều lệ)

13. Tài sản

Bảng 22: Tài sản cố định hữu hình của Công ty tại thời điểm 31/12/2010, 31/12/2011 và 30/06/2012

Đơn vị tính: triệu đồng

Tài sản	31/12/2010		31/12/2011		30/06/2012	
	Nguyên giá	Giá trị còn lại	Nguyên giá	Giá trị còn lại	Nguyên giá	Giá trị còn lại
Tài sản hữu hình						
Nhà cửa, vật kiến trúc	8.511	6.252	8.420	5.716	8.420	5.448
Máy móc thiết bị	6.069	2.536	6.203	2.020	6.203	1.765
Phương tiện vận tải	2.465	286	2.052	187	2.052	151
Tài sản khác	287	89	287	58	287	46
Tổng cộng	17.333	9.163	16.962	7.980	16.962	7.410

Nguồn: Báo cáo kiểm toán năm 2010, 2011 và BCTC Quý 2/2012 – Vneco 8

Bảng 23: Tình hình sử dụng đất đai của Công ty tại thời điểm 30/06/2012

Địa điểm	Diện tích	Thời điểm bắt đầu mua- thuê	Thời hạn (năm)	Loại hình
Trụ sở số 10 Đào Duy Từ	708,3	2003	Dài hạn	Mua
Nhà xưởng tại địa chỉ số 09 Võ Văn Kiệt, thành phố Buon Ma Thuột	2.441	1996	50	Thuê
Nhà máy BTLT – Khu công nghiệp Tâm Thắng, tỉnh Đắk Nông	17.150	2008	50	Thuê

14. Kế hoạch sản xuất kinh doanh, lợi nhuận và cổ tức trong năm tiếp theo

14.1. Chiến lược chung của Công ty

- ❖ Thực hiện theo định hướng chiến lược phát triển của Công ty mẹ, cùng với đóng góp của các cổ đông, Công ty quyết tâm đẩy mạnh hoạt động sản xuất kinh doanh và đưa Công ty phát triển lên một tầm cao mới; nâng cao mức cổ tức hàng năm cho các cổ đông; giải quyết việc làm, thường xuyên cải thiện điều kiện việc làm và tăng thu nhập cho người lao động.
- ❖ Phát triển Công ty cổ phần Xây dựng điện VNECO 8 trở thành một đơn vị sản xuất kinh doanh đa ngành, với các lĩnh vực chủ yếu: Xây dựng, sản xuất công nghiệp, đẩy mạnh hoạt động đầu tư với hai hướng trọng tâm là đầu tư kinh doanh nhà máy điện độc lập, kinh doanh bất động sản và phát triển kinh doanh dịch vụ - du lịch.
- ❖ Tiếp tục hoàn thiện một số cơ chế quản lý của Công ty phù hợp với tình hình và nhiệm vụ mới nhằm phát huy loại hình Công ty cổ phần trong tập hợp mô hình Công ty mẹ - Công ty con cổ phần. Tiếp tục thực hiện 3 chương trình lớn của Tổng công ty đề ra: Chương trình hiện đại hoá doanh nghiệp, Chương trình nâng cao chất lượng công trình và sản phẩm hàng hoá, dịch vụ; Chương trình thực hiện tiết kiệm và chống lãng phí.

14.2. Phương hướng thực hiện

- ❖ Đẩy mạnh công tác tiếp thị, đấu thầu trên cả 3 lĩnh vực: Xây lắp, Sản xuất công nghiệp; Dịch vụ - Du lịch, để tăng doanh thu và hiệu quả sản xuất kinh doanh đảm bảo đời sống ổn định cho người lao động; Phát triển và đẩy thị trường xây lắp điện, sản xuất cột điện bê tông dự ứng lực;
- ❖ Tiến hành phát hành thêm cổ phiếu để nâng vốn điều lệ của Công ty đáp ứng hoạt động sản xuất kinh doanh, đặc biệt là đáp ứng nhu cầu nguồn vốn để đầu tư các dự án...
- ❖ Nghiên cứu tìm hiểu thị trường viễn thông về nhu cầu cột bê tông để có bước chuẩn bị đầu tư thêm máy móc thiết bị nhằm sản xuất cung cấp cho các Tập đoàn Viễn thông (VNPT, VIETEL...).
- ❖ Nghiên cứu lập dự án khả thi khu đất số 09 Võ Văn Kiệt để có cơ sở trình Đại hội đồng cổ đông phê duyệt dự án đầu tư.
- ❖ Sắp xếp tổ chức lại bộ máy, hoàn thiện cơ chế quản lý trên cơ sở phân cấp, nhằm phát huy tính chủ động của đơn vị trong sản xuất kinh doanh, đặc biệt là trong tìm kiếm việc làm. Nâng cao hiệu quả công tác quản lý của Công ty trên mọi lĩnh vực.
- ❖ Cải cách và hoạch định cơ chế tiền lương phù hợp nhằm trả thù lao cho người lao động một cách xứng đáng và công bằng, nhằm phát huy nỗ lực của toàn thể cán bộ công nhân viên trong công ty. Đưa công ty Cổ phần xây dựng điện VNECO 8 vươn lên một tầm cao mới
- ❖ Từ nay đến năm 2015 sẽ trở thành một Công ty lớn mạnh trong tập đoàn tổ hợp công ty mẹ - Công ty con của Tổng công ty cổ phần xây dựng điện Việt Nam, đủ sức tham gia đấu thầu quốc tế về lĩnh vực xây dựng, và là Công ty đa ngành nghề lấy xây dựng làm trọng tâm với tốc độ phát triển về doanh thu khoảng 8%/năm
- ❖ Có kế hoạch huy động vốn từ các nguồn vốn đóng góp của các đối tác, của các tổ chức tín dụng để tiếp tục triển khai thực hiện các dự án đầu tư như số 09 Võ Văn Kiệt, dây chuyền sản xuất Ống cống bê tông ly tâm tại Khu công nghiệp Tân Thắng...
- ❖ Tiếp tục đầu tư trang thiết bị xe máy, dụng cụ thi công chuyên ngành xây lắp đường dây và trạm, xây dựng công trình thủy điện, cơ sở hạ tầng nhằm nâng cao tỷ lệ cơ giới hoá trong thi công, xây dựng Công ty trở thành 1 đơn vị hàng đầu trong lĩnh vực xây lắp hệ thống lưới điện và phát triển mạnh trong lĩnh vực xây dựng dân dụng và công nghiệp.
- ❖ Thực hành tiết kiệm trong sản xuất, tiêu dùng nhằm nâng cao hiệu quả SXKD của Công ty; Củng cố khối đoàn kết từ Công ty đến các chi nhánh, đội, tổ, nỗ lực phấn đấu hoàn thành



nhệm vụ kế hoạch 2012 đạt tốc độ tăng trưởng bình quân của Công ty đạt từ 12 - 15%/năm, đạt mức cổ tức bình quân trên 15%/ năm.

- ❖ Nâng cao khả năng cạnh tranh, phát huy tối đa hiệu quả nguồn lực hiện có, đồng thời tranh thủ các nguồn lực từ bên ngoài (như liên doanh góp vốn...), sử dụng mọi nguồn vốn cho đầu tư phát triển, đủ sức để cạnh tranh trong bối cảnh nước ta đã trở thành thành viên chính thức của tổ chức thương mại quốc tế (WTO).

14.3. Kế hoạch lợi nhuận và cổ tức trong thời kỳ 2012-2014

Bảng 24: Kế hoạch lợi nhuận và cổ tức trong 2012-2014

TT	Chỉ tiêu	Năm 2012	% tăng trưởng	Năm 2013	% tăng trưởng	Năm 2014	% tăng trưởng
1	Vốn điều lệ (triệu đồng)	18.000	0%	20.000	11%	20.000	0%
2	Doanh thu (triệu đồng)	32.925	7%	35.690	8%	38.415	8%
3	Lợi nhuận sau thuế (triệu đồng)	2.115	1369%	2.327	10%	2.559	10%
4	Lợi nhuận sau thuế/Doanh thu	6,4%	-	6,5%	-	6,7%	-
5	Lợi nhuận sau thuế/Vốn điều lệ	11,75%	-	11,64%	-	12,79%	-
6	EPS (đồng/ cổ phiếu)	1.175	-	1.293	-	1.422	-
7	Cổ tức	9%	-	10%	-	11%	-

Nguồn: Nghị quyết ĐHCĐ thường niên 2012, NQHĐQT điều chỉnh một số chỉ tiêu SXKD năm 2012 và dự kiến kế hoạch kinh doanh 2013 – 2014 của Ban Giám đốc Công ty Vneco 8

Trước đánh giá và nhận định về diễn biến tiếp tục khó khăn của nền kinh tế trong thời gian tới, Hội đồng quản trị thông qua kế hoạch doanh thu khá khiêm tốn, doanh thu năm 2012 tăng trưởng 7% so với thực tế đạt được của năm 2011 và dự kiến mức tăng trưởng doanh thu cho các năm sau khoảng 8%. Tuy nhiên, kế hoạch lợi nhuận sau thuế 2012 lại khá cao so với 2011, tỷ lệ tăng trưởng 1.369 % là do ban lãnh đạo đã dự kiến:

- Có khả năng hoàn nhập khoảng 1 tỷ đồng từ việc đầu tư cổ phiếu SBA vào cuối năm 2012 do đến thời điểm 06/07/2012, giá cổ phiếu SBA tăng khoảng 42% (giá 5.400 đồng/ cổ phiếu) so với thời điểm trích lập dự phòng cuối năm 2011
- Tiếp tục triển khai tiết kiệm chi phí sản xuất.
- Tập trung đẩy nhanh tiến độ thanh toán vốn với chủ đầu tư để giảm dư nợ vay vốn lưu động.
- Dự kiến chi phí tài chính có thể giảm bằng 1/3 so với chi phí tài chính của năm 2011 do chính sách điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng Nhà nước từ đầu năm 2012 đến nay.

Ngoài ra, Công ty dự kiến năm 2013 tăng vốn thêm 2 tỷ đồng trong năm 2013 nhằm bổ sung vốn lưu động phục vụ cho hoạt động sản xuất kinh doanh.

Căn cứ để đạt được kế hoạch về lợi nhuận và cổ tức nói trên

- ❖ Nhu cầu đầu tư xây dựng hệ thống nguồn và lưới điện trong tương lai còn rất lớn, mở ra nhiều cơ hội phát triển cho Công ty:

- Căn cứ Quyết định số 1208/QĐ-TTg ngày 21/07/2011 của Thủ tướng Chính phủ về việc Quyết định phê duyệt quy hoạch điện lực Quốc gia giai đoạn 2011 – 20120, có xét đến 2030, tổng nhu cầu đầu tư cho ngành điện đến năm 2020 khoảng 929,7 nghìn tỷ đồng, trong đó đầu tư vào lưới điện chiếm 33,4%. Trong cả giai đoạn 2011 - 2030, nhu cầu đầu tư khoảng 2.359 nghìn tỷ đồng (tương đương 123,8 tỷ USD) trong đó, đầu tư vào lưới điện chiếm 34,5%.
- Hiện nay nhu cầu đầu tư điện cho các bản làng chưa có điện các tỉnh Khu vực Tây Nguyên là 6.163 tỷ đồng
- ❖ Với lợi thế và uy tín lớn trong lĩnh vực xây lắp điện, VNECO 8 tiếp tục giữ vững vị thế trên thị trường, Công ty đã và đang thực hiện nhiều công trình lớn:
 - Thực hiện dứt điểm bàn giao các công trình, hợp đồng đã ký kết với Chủ đầu tư.
 - Tích cực tham gia tìm kiếm, đấu thầu các công trình, ký kết các hợp đồng mới.
 - Tiếp tục thực hiện các hợp đồng xây lắp điện lớn như Xây lắp đường dây 22/0,4KV cấp điện khu tái định cư Sông Bung 4; Dựng cột và kéo dây đường dây 500KV Phú Mỹ - Sông Mã; Xây lắp đường dây 110KV Bình Minh Cầu Kè. Tổng giá trị hợp đồng thực hiện năm 2012 khoảng 35 tỷ đồng (bảng 10).
- ❖ Đẩy mạnh lĩnh vực sản xuất công nghiệp (cột điện bê tông ly tâm - là lĩnh vực đem lại hiệu quả kinh tế cao):
 - Tăng cường đầu tư thêm khuôn cột, tăng ca làm việc để đáp ứng tiến độ cho khách hàng;
 - Đẩy mạnh sản xuất cột bê tông ly tâm (là mảng có tỷ suất sinh lời cao) và xuất bán sang thị trường Campuchia. Đánh giá thuận lợi về mặt địa lý và tiềm năng phát triển lớn của thị trường Campuchia, với lợi thế về công nghệ và kỹ thuật sản xuất cột bê tông ly tâm, dự kiến năm 2013, sản phẩm bê tông của Công ty sẽ được đẩy mạnh tiêu thụ tại thị trường này.
 - Xúc tiến đầu tư dây chuyền sản xuất ống cống bê tông nhằm đáp ứng nhu cầu xây dựng cơ sở hạ tầng ngày càng phát triển tại tỉnh Đắk Lắk và khu vực Tây Nguyên. Trong năm 2011, Công ty đã mua lại dây chuyền sản xuất bê tông của Công ty Cổ phần Xây dựng điện Vneco 6 nhằm mục đích mở rộng hoạt động kinh doanh sản xuất bê tông ly tâm và mảng sản xuất ống cống phục vụ các công trình thủy lợi.
- ❖ Các lĩnh vực đầu tư mở rộng tiềm năng:
 - Nghiên cứu chuẩn bị phương án đầu tư và khai thác triệt để diện tích trụ sở Công ty đang sở hữu tại số 10 Đào Duy Từ là địa điểm thuộc trung tâm thành phố Đắk Lắk sang việc đầu tư khách sạn và nhà hàng, dịch vụ du lịch.
 - Nghiên cứu, tìm hiểu, chuẩn bị các điều kiện cần thiết lập dự án khả thi khai thác triệt để lợi thế Khu đất số 09 Võ Văn Kiệt, phường Khánh Xuân, thành phố Buôn Ma Thuột.
 - Đối với nhà máy tại Khu công nghiệp Tâm Thắng, huyện Cư Jút tỉnh Đắk Nông, ngoài việc đầu tư mở rộng sản xuất cột bê tông ly tâm và ống cống, Công ty dự định sẽ nghiên cứu xây dựng nhà máy gạch bê tông phục vụ thị trường khu vực Tây Nguyên và các tỉnh lân cận (hiện nay, tại khu vực hầu hết sản phẩm này phải nhập từ Bình Dương).
- ❖ Hội đồng Quản trị, Ban điều hành linh hoạt, nhạy bén trong chính sách kinh doanh; đảm bảo tận dụng tốt các cơ hội cũng như vượt qua các thách thức do sự biến động của điều kiện kinh tế vĩ mô đem lại.

14.4. Phân tích SWOT

**Điểm mạnh:**

- ❖ Đội ngũ lãnh đạo có kinh nghiệm lâu năm trong lĩnh vực thi công xây lắp điện, đội ngũ công nhân kỹ thuật xây lắp lành nghề.
- ❖ Đi đầu về công nghệ thi công với các trang thiết bị thi công hiện đại, dây chuyền sản xuất mới và đồng bộ.
- ❖ Chiếm lĩnh toàn thị trường dây dựng điện Tây Nguyên và có thế mạnh và uy tín ở thị trường miền Nam và Đông Nam Bộ.
- ❖ Khẳng định được uy tín qua xây dựng các công trình điện chất lượng cao, vượt tiến độ tiêu biểu là công trình đường dây 220kV đấu nối nhà máy thủy điện Sêrapôk 4 vượt tiến độ được Ban QLDA các công trình điện miền Trung quyết định khen thưởng; công trình cấp điện xã Phú Mỹ huyện Đồng Xuân, tỉnh Phú Yên được chủ tịch UBND tỉnh Phú Yên tặng giấy khen; Và nhiều công trình khác được các chủ đầu tư đánh giá cao về chất lượng và tiến độ công trình như: công trình đường dây cấp điện khu tái định cư thủy điện Sông Bung 4; công trình cải tạo, thu hồi dây đường dây 220kV Đa Nhim – Bảo Lộc, đường dây 110kV Cao Lãnh 2 – Mỹ Thuận, đường dây 220kV Buôn Kuốp – Đăk Nông v.v...
- ❖ Công ty có mối quan hệ tốt với các khách hàng lớn và các đơn vị trong ngành như các Ban quản lý điện Miền Trung, Ban Quản lý điện lực miền Nam... đặc biệt là các công ty thành viên thuộc Tổng công ty Cổ phần Xây dựng Điện Việt Nam. Nhờ đó, Vneco 8 nhận được sự hỗ trợ của đối tác và các đơn vị thành viên của Tổng công ty trong hoạt động sản xuất kinh doanh.
- ❖ Hệ số xếp hạng tín dụng của Vneco 8 được cải thiện qua các năm. Công ty có quan hệ tín dụng với Ngân hàng Đầu tư và Ngân hàng Quốc Tế - Đắc Lắc,

Điểm yếu:

- ❖ Quy mô hiện tại chưa phát triển tương xứng với tiềm lực của Công ty.
- ❖ Do đặc thù nghề nghiệp gặp nhiều rủi ro trong khi thu nhập thấp, đội ngũ lao động dễ bị biến động.

Cơ hội:

- ❖ Quy hoạch phát triển điện lực quốc gia giai đoạn 2011 - 2020 có xét đến năm 2030 (Quy hoạch điện 7), để đáp ứng nhu cầu điện cho phát triển kinh tế ngày càng tăng cao, hệ thống lưới điện cần được đầu tư mạnh hơn. Trong ngắn hạn, tiếp tục phát triển và đầu tư đồng bộ lưới điện truyền tải 220kV và 500kV; phát triển lưới điện 220kV và 110kV tạo điều kiện thuận lợi cho việc cải tạo lưới điện trung áp sang cấp điện áp 22kV và điện khí hóa nông thôn. Trong dài hạn, nghiên cứu khả năng xây dựng cấp điện áp 750kV, 1000kV hoặc truyền tải bằng điện một chiều giai đoạn sau năm 2020. Với tốc độ tăng trưởng ngành điện khoảng 14%/năm, nhiều công trình điện đang được tiến hành xây dựng đã tạo cơ hội cho VNECO8 mở rộng hoạt động trên thị trường xây lắp, sản xuất công nghiệp.
- ❖ Nhu cầu đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng các tỉnh khu vực Tây Nguyên nói chung của tỉnh Daklak nói riêng còn khá lớn, tạo điều kiện thuận lợi để phát triển lĩnh vực xây dựng điện.
- ❖ Thị trường xây dựng điện Campuchia lớn và tiềm năng. Hiện Tổng Công ty Xây dựng điện VNECO đang tiếp cận dự án xây dựng đường dây 230kV tại Campuchia và kêu gọi các đơn vị thành viên tham gia. Với lợi thế về địa lý sát biên giới Campuchia, đây là cơ

hội tốt giúp Công ty đẩy mạnh hoạt động xây dựng điện và sản xuất cột bê tông ly tâm trong thời gian tới

- ❖ Có cơ hội phát triển các mảng hoạt động kinh doanh tiềm năng

Ngành du lịch - dịch vụ tiếp tục tăng trưởng mức 8,1%, du lịch Tây Nguyên còn nhiều tiềm năng để khai thác. Hiện Vneco 8 đang sở hữu hơn 700 m² tại số 10 Đào Duy Từ là địa điểm thuộc trung tâm thành phố Buôn Ma Thuột, Công ty định hướng sẽ khai thác mảng dịch vụ du lịch trong tương lai và tham gia vào mạng lưới khách sạn Xanh của Tổng công ty Cổ phần và Xây dựng Điện Việt Nam.

Thách thức:

- ❖ Sự cạnh tranh ngày càng gay gắt và cạnh tranh không lành mạnh của một số đơn vị mới tham gia vào lĩnh vực xây lắp.
- ❖ Cơ sở hạ tầng khu vực Tây Nguyên vẫn còn thiếu và chưa đồng bộ, đồng thời trong khu vực chưa có liên kết trong toàn miền nên Công ty gặp khó khăn trong việc mở rộng hoạt động kinh doanh sang các lĩnh vực khác.
- ❖ Do ảnh hưởng của suy thoái kinh tế, chủ trương cắt giảm đầu tư công theo Nghị quyết số 11 của Chính Phủ, tình hình hoạt động kinh doanh của các doanh nghiệp xây dựng điện nói chung và Công ty nói riêng gặp nhiều khó khăn, vốn đầu tư bị ứ đọng do các chủ đầu tư chậm thanh toán.

Tình hình thực hiện kế hoạch trong Quý 2 năm 2012

Trong quý 2 năm 2012, Công ty đã đạt được mức doanh thu 12.095 triệu đồng (tương đương 37% kế hoạch) và lợi nhuận sau thuế 434 triệu đồng (tương đương 21% kế hoạch). Tuy nhiên, do đặc thù của hoạt động xây dựng và tập quán của chủ đầu tư cũng như các doanh nghiệp xây dựng thường có thời gian nghỉ tết nguyên đán dài và việc tập trung nhân lực tại các công trình sau kỳ nghỉ Tết nguyên đán thường chậm. Do đó, hoạt động xây dựng, nghiệm thu và quyết toán công trình thường được triển khai từ giữa tháng 2. Với đặc thù nêu trên, năng suất lao động và công suất thi công của Quý 1 chỉ thường đạt bằng 1/3 các quý còn lại trong năm. Ban lãnh đạo Công ty đánh giá rằng kế hoạch kinh doanh của năm 2012 vẫn có thể được đảm bảo do tiến độ thi công, năng suất lao động đã được ổn định từ Quý 2 đến cuối năm 2012.

15. Đánh giá của Tổ chức tư vấn về kế hoạch lợi nhuận và cổ tức

Dưới góc độ của tổ chức tư vấn, Công ty Cổ phần Chứng khoán Sài Gòn đã thu thập các thông tin, tiến hành các nghiên cứu phân tích và đánh giá cần thiết về hoạt động kinh doanh của Công ty cũng như xem xét lĩnh vực kinh doanh mà Công ty đang hoạt động.

VNECO 8 là đơn vị có bề dày kinh nghiệm và uy tín trong lĩnh vực thi công xây lắp các công trình điện, đặc biệt là thị trường Tây Nguyên và các khu vực lân cận. Dựa trên nhu cầu và tiềm năng phát triển của ngành điện, cơ hội cho mảng thi công xây lắp điện và sản xuất công nghiệp của VNECO 8 còn khá lớn. Tuy nhiên, trong ngắn hạn do những bất ổn của nền kinh tế, các chính sách vĩ mô của nhà nước, chủ trương cắt giảm đầu tư công... các doanh nghiệp sản xuất nói chung và doanh nghiệp thi công xây lắp điện nói riêng đang gặp khó khăn bởi giá cả đầu vào tăng, thiếu vốn kinh doanh, vốn ứ đọng và chiếm dụng lớn và nhu cầu đầu tư giảm.

Năm 2011, doanh thu của Công ty đạt gần 31 tỷ đồng bằng 95,5% so với năm 2010. Lợi nhuận gộp đạt 7,4 tỷ đồng bằng 97,3% so với năm 2010, lợi nhuận sau thuế đạt 143 triệu đồng (do trong năm 2011, Công ty thực hiện trích lập bổ sung dự phòng đầu tư dài hạn hơn 1 tỷ cho khoản đầu tư vào Công ty cổ phần Sông Ba khi giá cổ phiếu giảm hơn 60%). Năm 2012, Công ty đặt mục tiêu doanh



thu là 32,9 tỷ đồng, lợi nhuận sau thuế là 2,1 tỷ đồng (có tính đến khoản hoàn nhập dự phòng cổ phiếu Sông Ba).

Đánh giá về tình hình thị trường hiện tại và nhu cầu trong ngắn hạn, bên cạnh kinh nghiệm, trình độ và uy tín của Công ty qua các công ty trình lớn đã và đang thực hiện, kế hoạch sản xuất kinh doanh của Công ty cổ phần xây dựng điện Vneco 8 còn chịu ảnh hưởng bởi những khó khăn chung của suy thoái kinh tế và khó khăn của ngành xây lắp điện, sự biến động của thị trường chứng khoán ảnh hưởng đến khoản đầu tư dài hạn cổ phiếu của Công ty cổ phần Sông Ba.... Với định hướng rõ ràng trong lĩnh vực hoạt động cốt lõi là thi công xây lắp điện và sản xuất công nghiệp trong lĩnh vực xây dựng điện; đồng thời phát huy tối đa lợi thế sẵn có để mở rộng sang các lĩnh vực kinh doanh tiềm năng như sản xuất gạch bê tông, xem xét việc đầu tư và kinh doanh khách sạn, dịch vụ du lịch trên những khu đất đang sở hữu...Kế hoạch kinh doanh và sự phát triển của Công ty trong thời gian tới đòi hỏi năng lực quản trị và sự quyết tâm cao của Ban lãnh đạo Công ty.

Lưu ý: Những nhận xét trên chỉ mang tính tham khảo mà không hàm ý đảm bảo giá trị của chứng khoán

16. Thông tin về những cam kết chưa thực hiện của Công ty

Không có

17. Thông tin về những tranh chấp, kiện tụng liên quan đến Công ty có thể gây ảnh hưởng đến giá cổ phiếu phát hành

Không có

V. CHỨNG KHOÁN NIÊM YẾT

1. Loại chứng khoán niêm yết: **Cổ phiếu phổ thông**
2. Mệnh giá: **10.000 đồng**
3. Tổng số chứng khoán niêm yết: **1.800.000 (Một triệu tám trăm nghìn) cổ phiếu**
4. **Số lượng cổ phiếu hạn chế chuyển nhượng:**

Hạn chế chuyển nhượng đối với các thành viên Hội đồng quản trị, Ban Giám đốc, Ban Kiểm soát, Kế toán trưởng

Tiết d, Điểm 1, Điều 9, Nghị định 14/2007/NĐ-CP ngày 19 tháng 01 năm 2007 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật chứng khoán và Công văn số 584/UBCK-QLPH ngày 16 tháng 5 năm 2007 quy định: “Cổ đông là thành viên Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát, Giám đốc hoặc Tổng giám đốc, Phó Giám đốc hoặc Phó Tổng giám đốc và Kế toán trưởng của công ty phải cam kết nắm giữ 100% số cổ phiếu do mình sở hữu (bao gồm cả số cổ phần đại diện cho tổ chức khác không kể Nhà nước) trong thời gian 6 tháng kể từ ngày niêm yết và 50% số cổ phiếu này trong thời gian 6 tháng tiếp theo, không tính số cổ phiếu thuộc sở hữu Nhà nước do các cá nhân trên đại diện nắm giữ”.

Như vậy, số cổ phần mà các thành viên nêu trên sở hữu hoặc đại diện sở hữu sẽ bị hạn chế chuyển nhượng. Số lượng cổ phần sở hữu cụ thể và thời gian hạn chế chuyển nhượng như sau:

Bảng 25: Danh sách cổ đông hạn chế chuyển nhượng

TT	Họ và tên	Chức vụ	Số CP HCCN	
			Trong vòng 6 tháng kể từ ngày niêm yết	Trong vòng 06 tháng tiếp theo
1	Ngô Văn Cường	Chủ tịch HĐQT	-	-
2	Nguyễn Công Diệu	Phó chủ tịch HĐQT - Kiêm Giám đốc	62.000	31.000
3	Nguyễn Tiến Chữ	Thành viên HĐQT - Kiêm Phó giám đốc	10.000	5.000
4	Võ Đức Sơn	Thành viên HĐQT	24.500	12.250
5	Nguyễn Tất Ánh	Thành viên HĐQT	7.791	3.896
6	Nguyễn Tráng Sỹ	Phó phòng phụ trách Kế toán	14.500	7.250
7	Nguyễn Hữu Đăng	Trưởng Ban Kiểm Soát	3.300	1.650
8	Nguyễn Thị Bích Hường	Thành viên Ban kiểm soát	4.000	2.000
9	Nguyễn Thị Hóa	Thành viên Ban kiểm soát	-	-
10	Tổng Công ty Cổ phần Xây dựng Điện Việt Nam Đại diện gồm:	Cổ đông lớn	1.006.809	503.405
	Ông Ngô Văn Cường		540.000	270.000
	Ông Nguyễn Công Diệu		466.809	233.405



TT	Họ và tên	Chức vụ	Số CP HCCN	
			Trong vòng 6 tháng kể từ ngày niêm yết	Trong vòng 06 tháng tiếp theo
	Tổng cộng		1.132.900	566.450

(Nguồn: Vneco8)

5. Phương pháp tính giá

5.1. Phương pháp giá trị sổ sách

$$\text{Giá trị sổ sách của Công ty} = \frac{\text{Vốn chủ sở hữu}}{\text{Số lượng cổ phần đang lưu hành}}$$

- Tại thời điểm 31/12/2011, giá trị sổ sách của 1 cổ phần bằng: $18.392.517.726/1.800.000 = 10.218$ đồng/cổ phần.
- Tại thời điểm 30/06/2012, giá trị sổ sách của 1 cổ phần = $18.778.743.039 /1.800.000 = 10.433$ đồng/cổ phần

5.2. Phương pháp so sánh P/E

Các công ty được lựa chọn là công ty có cùng ngành nghề sản xuất kinh doanh với Công ty Cổ phần Xây dựng Điện Vneco 8, cụ thể như sau:

Tên công ty	Mã CP	Sở Giao dịch	EPS 2011 (đồng/CP)	Giá ngày 25/05/12	Hệ số P/E
CTCP Xây dựng điện VNECO1	VE1	HNX	27	5.000	185,19
CTCP Xây dựng Điện VNECO2	VE2	HNX	102	7.900	77,45
CTCP Xây dựng điện VNECO9	VE9	HNX	131	8.700	66,41
Hệ số P/E Bình quân					109,68
EPS năm 2011 của CTCP Xây dựng điện Vneco 8 (đồng/CP)					88,67
Giá cổ phiếu CTCP Xây dựng điện Vneco 8 theo phương pháp P/E (đồng/CP)					9.725

Nguồn: BCTC kiểm toán năm 2011 các công ty niêm yết công bố trên website của HNX.

Tổng hợp kết quả định giá theo 2 phương pháp trên như sau:

Phương pháp tính	Giá cổ phiếu (VND)	Trọng số
Giá trị sổ sách 31/12/2011	10.218	70%
P/E	9.725	30%
Giá tính theo trọng số	10.070	

Căn cứ 2 phương pháp tính giá trên, chúng tôi đề xuất mức giá tham chiếu trong ngày giao dịch đầu tiên là 10.100 đồng/cổ phiếu.

6. Giới hạn về tỷ lệ nắm giữ của cổ đông nước ngoài

Căn cứ theo Quyết định 55/2009/QĐ-TTg ngày 15/04/2009 của Thủ tướng Chính phủ về tỷ lệ tham gia của nhà đầu tư nước ngoài trên thị trường chứng khoán Việt Nam, nhà đầu tư nước ngoài mua bán chứng khoán trên thị trường chứng khoán Việt Nam được phép nắm giữ tối đa 49% tổng số cổ phiếu của công ty cổ phần đại chúng. Đến thời điểm hiện nay, nhà đầu tư nước ngoài nắm 0 cổ phiếu của Công ty.

7. Các loại thuế liên quan

Các loại thuế đối với Công ty là thuế giá trị gia tăng, thuế nhập khẩu, thuế thu nhập doanh nghiệp, thuế nhà đất...

- Thuế nhập nguyên vật liệu: Thuế nhập khẩu thép 5%, thuế nhập khẩu feromangan 5%
- Thuế giá trị gia tăng VAT: 10%
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đang áp dụng: 25%.

Công ty được gia hạn nộp thuế giá trị gia tăng và thuế thu nhập doanh nghiệp theo Nghị quyết số 13/NQ-CP ngày 10/5/2012 của Chính phủ về một số giải pháp tháo gỡ khó khăn cho sản xuất kinh doanh, hỗ trợ thị trường và Thông tư số 83/2012/TT/BTC ngày 23/05/2012 của Bộ Tài chính - Hướng dẫn thực hiện việc miễn, giảm, gia hạn một số khoản thu Ngân sách Nhà nước theo Nghị quyết số 13/NQ-CP ngày 10/5/2012 của Chính phủ. Cụ thể:

Thuế giá trị gia tăng: Gia hạn 06 tháng thời hạn nộp thuế giá trị gia tăng (GTGT) của tháng 4, tháng 5, tháng 6 năm 2012 (không bao gồm thuế GTGT ở khâu nhập khẩu) đối với các doanh nghiệp đang thực hiện nộp thuế GTGT theo phương pháp khấu trừ

Thuế thu nhập doanh nghiệp: Gia hạn 09 tháng thời hạn nộp thuế thu nhập doanh nghiệp đối với số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp của năm 2011 trở về trước mà đến ngày 10/5/2012 doanh nghiệp chưa nộp Ngân sách Nhà nước

VI. CÁC ĐỐI TÁC LIÊN QUAN

1. Tổ chức tư vấn phát hành

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN SÀI GÒN (SSI)

Trụ sở chính:

Địa chỉ: Số 72 Nguyễn Huệ, quận 1, thành phố Hồ Chí Minh

Điện thoại: (08) 3824 2897

Fax: (08) 3824 2997

Email: ssi@ssi.com.vn

Website: www.ssi.com.vn

Chi nhánh Công ty Cổ phần Chứng khoán Sài Gòn tại Hà Nội

Địa chỉ: 1C Ngô Quyền, Hoàn Kiếm, Hà Nội

Điện thoại: (04) 3936 6321

Fax: (04) 3936 6311

2. Tổ chức kiểm toán

CÔNG TY TNHH TƯ VẤN KẾ TOÁN VÀ DỊCH VỤ TIN HỌC AISC

Địa chỉ: 142 Nguyễn Thị Minh Khai, Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh

Điện thoại: (08) 39301563

Fax: (08) 39304281

Website: www.asic.com.vn

VII. PHỤ LỤC

Phụ lục 1: Bản sao hợp lệ giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh

Phụ lục 2: Bản sao hợp lệ Điều lệ Công ty

Phụ lục 3: Báo cáo kiểm toán 2010, 2011 và Báo cáo tài chính Quý 2/2012

Phụ lục 4: Nghị quyết họp ĐHCĐ thông qua việc niêm yết

Phụ lục 5: Danh sách và sơ yếu lý lịch của các nhân sự chủ chốt

Phụ lục 6: Hồ sơ các lần tăng vốn